

DANH SÁCH PHÒNG THI HKI (2018 - 2019)

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1	12A2	Mai Sỹ An	03/01/2001	Nam	1	120,001	
2	11A9	Đỗ Thị An	06/04/2002	Nữ	1	110,974	
3	10A11	Lê Thị An	05/11/2003	Nữ	12	102,255	
4	12A9	Nguyễn Văn An	27/11/2001	Nam	1	120,002	
5	10A5	Mai Xuân An	14/06/2003	Nam	12	102,257	
6	11A9	Nguyễn Châm Anh	11/11/2002	Nữ	1	110,976	
7	10A9	Nguyễn Diệp Anh	04/07/2003	Nữ	1	101,965	
8	10A8	Nguyễn Văn Duy Anh	30/04/2003	Nam	12	102,259	
9	12A7	Bùi Đình Anh	09/01/2001	Nam	1	120,003	
10	12A3	Lê Đức Anh	10/06/2001	Nam	1	120,004	
11	11A3	Lê Đức Anh	18/11/2002	Nam	1	110,978	
12	10A9	Nguyễn Đức Anh	04/05/2003	Nam	1	101,967	
13	11A11	Lê Hà Anh	07/10/2002	Nữ	12	111,326	
14	10A7	Nguyễn Hà Anh	12/09/2003	Nữ	12	102,261	
15	12A10	Trần Thị Hải Anh	02/05/2001	Nữ	1	120,005	
16	11A3	Nguyễn Duy Hoàng Anh	26/05/2002	Nam	1	110,980	
17	10A2	Nguyễn Kim Hoàng Anh	01/01/2003	Nam	12	102,265	
18	10A2	Nguyễn Hoàng Anh	11/12/2003	Nam	12	102,263	
19	10A9	Nguyễn Hồng Anh	01/12/2003	Nữ	1	101,969	
20	12A10	Lê Thị Hồng Anh	20/02/2001	Nữ	1	120,006	
21	10A1	Nguyễn Huyền Anh	05/11/2003	Nữ	1	101,971	
22	11A9	Phạm Huyền Anh	20/11/2002	Nữ	1	110,982	
23	10A5	Lê Thị Huyền Anh	22/08/2003	Nữ	12	102,267	
24	10A1	Lê Thị Kiều Anh	24/06/2003	Nữ	1	101,973	
25	10A6	Nguyễn Thị Kiều Anh	04/06/2003	Nữ	12	102,269	
26	12A8	Lê Thị Kim Anh	17/04/2001	Nữ	1	120,007	
27	12A8	Lê Thị Lan Anh	23/05/2001	Nữ	1	120,008	
28	11A12	Lê Thị Lan Anh	24/08/2002	Nữ	12	111,328	
29	11A12	Lê Thị Lan Anh	18/11/2002	Nữ	12	111,330	
30	10A10	Lê Thị Lan Anh	11/07/2003	Nữ	1	101,975	
31	12A9	Lương Thị Lan Anh	17/10/2001	Nữ	1	120,009	
32	12A12	Nguyễn Thị Lan Anh	06/06/2000	Nữ	1	120,010	
33	12A11	Nguyễn Thị Lan Anh	02/09/2001	Nữ	1	120,011	
34	12A9	Nguyễn Thị Lan Anh	14/09/2001	Nữ	1	120,012	
35	10A2	Nguyễn Thị Lan Anh	07/06/2003	Nữ	12	102,271	
36	10A10	Nguyễn Thị Lan Anh	14/08/2003	Nữ	1	101,977	
37	11A9	Phạm Thị Lan Anh	17/01/2002	Nữ	1	110,984	
38	10A11	Nguyễn Mai Anh	24/01/2003	Nữ	12	102,273	
39	10A9	Nguyễn Minh Anh	15/07/2003	Nữ	1	101,979	
40	11A1	Nguyễn Thị Minh Anh	06/06/2002	Nữ	1	110,986	
41	10A11	Nguyễn Thị Minh Anh	27/12/2003	Nữ	12	102,275	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
42	12A10	Vũ Minh	Anh	03/01/2001	Nữ	1	120,013	
43	11A8	Lê Ngọc	Anh	07/07/2002	Nữ	12	111,332	
44	10A11	Lê Ngọc	Anh	26/09/2003	Nữ	12	102,277	
45	11A12	Nguyễn Ngọc	Anh	24/06/2002	Nữ	12	111,334	
46	10A10	Nguyễn Ngọc	Anh	10/11/2003	Nữ	1	101,981	
47	10A1	Nguyễn Phan Ngọc	Anh	31/08/2003	Nữ	1	101,983	
48	12A4	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	11/07/2001	Nữ	1	120,014	
49	12A8	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	26/07/2001	Nữ	1	120,015	
50	12A1	Nguyễn Nhật	Anh	23/11/2001	Nữ	1	120,016	
51	10A9	Lê Hoàng Phương	Anh	19/09/2003	Nữ	1	101,985	
52	12A8	Mai Phương	Anh	30/09/2001	Nữ	1	120,017	
53	12A7	Nguyễn Phương	Anh	31/03/2001	Nữ	1	120,018	
54	10A3	Nguyễn Phương	Anh	16/03/2003	Nữ	12	102,279	
55	12A8	Phạm Phương	Anh	15/10/2001	Nữ	1	120,019	
56	12A6	Phạm Phương	Anh	29/11/2001	Nữ	1	120,020	
57	10A7	Phạm Phương	Anh	02/02/2003	Nữ	12	102,281	
58	11A10	Lê Thị Phương	Anh	05/07/2002	Nữ	1	110,988	
59	12A12	Nguyễn Thị Phương	Anh	01/05/2001	Nữ	2	120,021	
60	11A9	Vũ Thị Phương	Anh	30/03/2002	Nữ	1	110,990	
61	10A12	Vũ Phương	Anh	09/02/2003	Nữ	12	102,283	
62	11A11	Nguyễn Quang	Anh	13/01/2002	Nam	12	111,336	
63	10A2	Nguyễn Quang	Anh	24/12/2003	Nam	12	102,285	
64	11A1	Mai Quỳnh	Anh	18/02/2002	Nữ	1	110,992	
65	10A1	Nguyễn Quỳnh	Anh	23/07/2003	Nữ	1	101,987	
66	11A1	Lê Thị Quỳnh	Anh	06/06/2002	Nữ	1	110,994	
67	12A1	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/11/2001	Nữ	2	120,022	
68	10A1	Phạm Tâm	Anh	28/10/2003	Nữ	1	101,989	
69	11A4	Tạ Lê Thảo	Anh	31/10/2002	Nam	12	111,338	
70	12A1	Lê Thị	Anh	07/10/2001	Nữ	2	120,023	
71	10A7	Vũ Thị	Anh	06/03/2003	Nữ	13	102,287	
72	10A2	Vũ Trang	Anh	08/10/2003	Nữ	13	102,289	
73	12A12	Nguyễn Công Tuấn	Anh	15/11/2001	Nam	2	120,025	
74	11A4	Nguyễn Duy Tuấn	Anh	21/09/2002	Nam	12	111,348	
75	10A8	Lê Tuấn	Anh	09/04/2003	Nam	13	102,293	
76	11A9	Phạm Lê Tuấn	Anh	04/08/2002	Nam	1	110,998	
77	11A2	Lưu Tuấn	Anh	06/09/2002	Nam	12	111,340	
78	12A2	Nguyễn Tuấn	Anh	04/02/2001	Nam	2	120,024	
79	11A6	Nguyễn Tuấn	Anh	11/07/2002	Nam	12	111,342	
80	11A6	Nguyễn Tuấn	Anh	22/08/2002	Nam	12	111,344	
81	11A11	Nguyễn Tuấn	Anh	14/12/2002	Nam	12	111,346	
82	11A11	Hoàng Văn Tuấn	Anh	05/12/2002	Nam	12	111,350	
83	10A10	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	22/10/2003	Nam	2	101,991	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
84	10A6	Nguyễn Khắc Tú	Anh	26/02/2003	Nam	13	102,291	
85	11A3	Nguyễn Thị Tú	Anh	19/07/2002	Nữ	1	110,996	
86	10A10	Nguyễn Vân	Anh	05/12/2003	Nữ	2	101,993	
87	12A10	Đào Thị Vân	Anh	20/07/2001	Nữ	2	120,026	
88	11A9	Lê Thị Vân	Anh	12/10/2002	Nữ	1	111,000	
89	12A8	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/10/2001	Nữ	2	120,027	
90	12A2	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/11/2001	Nữ	2	120,028	
91	10A4	Nguyễn Thị Vân	Anh	17/07/2003	Nữ	13	102,295	
92	10A5	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/07/2003	Nữ	13	102,297	
93	11A4	Phạm Thị Vân	Anh	03/06/2002	Nữ	13	111,352	
94	11A9	Vũ Thị Vân	Anh	03/02/2002	Nữ	1	111,002	
95	11A2	Bùi Việt	Anh	06/09/2002	Nam	13	111,354	
96	11A9	Lưu Việt	Anh	13/03/2002	Nam	1	111,004	
97	11A2	Lưu Việt	Anh	22/04/2002	Nam	13	111,356	
98	12A5	Nguyễn Việt	Anh	20/04/2000	Nam	2	120,029	
99	12A5	Nguyễn Việt	Anh	05/11/2001	Nam	2	120,030	
100	10A4	Nguyễn Việt	Anh	04/06/2003	Nam	13	102,299	
101	10A2	Quách Việt	Anh	10/10/2003	Nam	13	102,301	
102	12A12	Phạm Thị Hồng	Ánh	04/04/2001	Nữ	2	120,031	
103	10A12	Hoàng Thị Kim	Ánh	08/02/2003	Nữ	13	102,303	
104	11A9	Nguyễn Thị Minh	Ánh	14/09/2002	Nữ	2	111,006	
105	11A11	Nguyễn Thị Minh	Ánh	20/09/2002	Nữ	13	111,358	
106	12A4	Bùi Ngọc	Ánh	04/01/2001	Nữ	2	120,032	
107	11A4	Đỗ Ngọc	Ánh	11/03/2002	Nữ	13	111,360	
108	12A5	Hoàng Ngọc	Ánh	23/03/2001	Nữ	2	120,033	
109	10A10	Lê Ngọc	Ánh	11/08/2003	Nữ	2	101,995	
110	10A11	Nguyễn Ngọc	Ánh	30/06/2003	Nữ	13	102,305	
111	11A6	Phạm Ngọc	Ánh	12/09/2002	Nữ	13	111,362	
112	10A2	Phạm Ngọc	Ánh	11/05/2003	Nữ	13	102,307	
113	12A3	Lê Thị Ngọc	Ánh	23/08/2001	Nữ	2	120,035	
114	11A10	Lê Thị Ngọc	Ánh	07/06/2002	Nữ	2	111,008	
115	11A7	Lê Thị Ngọc	Ánh	20/07/2002	Nữ	13	111,364	
116	10A1	Ngô Thị Ngọc	Ánh	13/01/2003	Nữ	2	101,997	
117	12A3	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	08/05/2001	Nữ	2	120,036	
118	11A7	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/09/2002	Nữ	13	111,366	
119	12A8	Ta Thị Ngọc	Ánh	18/06/2001	Nữ	2	120,037	
120	12A3	Trần Ngọc	Ánh	07/10/2001	Nữ	2	120,034	
121	10A3	Trần Ngọc	Ánh	17/02/2003	Nữ	13	102,309	
122	10A11	Trần Ngọc	Ánh	21/05/2003	Nữ	13	102,311	
123	10A4	Trịnh Ngọc	Ánh	07/12/2003	Nữ	13	102,313	
124	10A10	Vũ Trần Nhật	Ánh	28/12/2003	Nữ	2	101,999	
125	12A1	Nguyễn Quang	Ánh	10/09/2001	Nam	2	120,038	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
126	12A9	Bùi Thị	Ánh	16/06/2001	Nữ	2	120,039	
127	12A10	Lê Thị	Ánh	24/11/2001	Nữ	2	120,040	
128	10A12	Lê Thị	Ánh	11/06/2003	Nữ	13	102,315	
129	12A11	Nguyễn Thị	Ánh	30/10/2001	Nữ	3	120,041	
130	11A10	Nguyễn Thị	Ánh	12/08/2002	Nữ	2	111,010	
131	10A7	Quách Thị	Ánh	19/07/2003	Nữ	13	102,317	
132	12A2	Lê Tiến	Ánh	05/02/2001	Nam	3	120,042	
133	10A1	Mai Ngọc Hoài	Ân	29/12/2003	Nữ	2	102,001	
134	10A3	Trương Công Gia	Bảo	11/06/2003	Nam	14	102,319	
135	10A5	Lê Trương Gia	Bảo	23/11/2002	Nam	14	102,321	
136	10A7	Lê Quốc	Bảo	03/07/2003	Nam	14	102,323	
137	10A1	Nguyễn Trần	Bách	12/12/2003	Nam	2	102,003	
138	12A3	Nguyễn Đình Trường	Bạch	11/08/2001	Nam	3	120,043	
139	12A4	Chu Tình	Biển	26/01/2001	Nam	3	120,044	
140	11A7	Nguyễn Văn	Biển	23/02/2002	Nam	13	111,368	
141	10A1	Phạm Huy	Bình	19/03/2003	Nam	2	102,005	
142	10A10	Nguyễn Thị	Bình	17/12/2003	Nữ	2	102,007	
143	10A11	Vũ Thị	Bình	25/05/2003	Nữ	14	102,325	
144	10A5	Nguyễn Thúy	Bình	06/04/2003	Nữ	14	102,327	
145	11A8	Lê Văn	Bình	11/11/2002	Nam	13	111,370	
146	10A1	Đỗ Xuân	Bình	15/02/2003	Nam	2	102,009	
147	11A4	Đào Thị	Bích	09/09/2002	Nữ	13	111,372	
148	12A8	Nguyễn Thị	Bích	16/10/2001	Nữ	3	120,045	
149	10A11	Nguyễn Hữu	Cảnh	11/09/2003	Nam	14	102,329	
150	10A1	Nguyễn Cao	Cầu	05/09/2003	Nam	2	102,011	
151	10A9	Lê Thu	Chang	23/12/2003	Nữ	2	102,013	
152	12A3	Nguyễn Khắc	Cháng	12/08/2001	Nam	3	120,046	
153	10A3	Lê Thị Ngọc	Châm	26/10/2003	Nữ	14	102,331	
154	10A10	Lê Kim	Chi	11/12/2003	Nữ	2	102,015	
155	11A7	Nguyễn Kim	Chi	16/07/2002	Nữ	13	111,374	
156	12A11	Bùi Thị Kim	Chi	12/04/2001	Nữ	3	120,047	
157	10A11	Lê Thị Kim	Chi	08/02/2003	Nữ	14	102,333	
158	11A10	Phạm Thị Kim	Chi	07/07/2002	Nữ	2	111,012	
159	11A1	Nguyễn Thị Lan	Chi	07/08/2002	Nữ	2	111,014	
160	11A11	Trần Lan	Chi	20/08/2002	Nữ	13	111,376	
161	11A9	Đào Thị Lệ	Chi	11/10/2002	Nữ	2	111,016	
162	11A12	Hoàng Thị Lệ	Chi	19/10/2002	Nữ	14	111,378	
163	10A11	Lê Linh	Chi	06/01/2003	Nữ	14	102,335	
164	11A1	Nguyễn Linh	Chi	01/11/2002	Nữ	2	111,018	
165	12A8	Phạm Linh	Chi	21/11/2001	Nữ	3	120,048	
166	11A3	Lê Thị Linh	Chi	05/11/2002	Nữ	2	111,020	
167	10A8	Nguyễn Thị Linh	Chi	26/12/2003	Nữ	14	102,337	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
168	12A12	Trần Thị Linh	Chi	12/10/2001	Nữ	3	120,049	
169	11A6	Nguyễn Mai	Chi	22/08/2002	Nữ	14	111,380	
170	11A11	Nguyễn Phương	Chi	05/09/2002	Nữ	14	111,382	
171	10A1	Hoàng Quỳnh	Chi	05/07/2003	Nữ	3	102,017	
172	11A7	Lê Thị Quỳnh	Chi	30/07/2002	Nữ	14	111,384	
173	12A4	Nguyễn Văn	Chiêu	10/03/2001	Nam	3	120,050	
174	11A2	Vũ Bá	Chiến	28/05/2002	Nam	14	111,386	
175	12A5	Nguyễn Mạnh	Chiến	17/05/2001	Nam	3	120,052	
176	12A4	Phạm Văn	Chiến	17/02/2001	Nam	3	120,053	
177	10A7	Nguyễn Đình Xuân	Chiến	31/08/2003	Nam	14	102,341	
178	10A7	Lê Hạnh	Chinh	25/10/2003	Nữ	14	102,339	
179	12A3	Đào Thị	Chinh	10/12/2001	Nữ	3	120,051	
180	10A9	Nguyễn Thị	Chinh	13/11/2003	Nữ	3	102,019	
181	12A2	Lê Đức	Chí	11/06/2001	Nam	3	120,055	
182	11A5	Lê Quyết	Chí	06/01/2002	Nam	14	111,394	
183	12A8	Đào Thị My	Chu	23/05/2001	Nữ	3	120,054	
184	11A5	Nguyễn Văn	Chuyên	14/11/2002	Nam	14	111,392	
185	11A1	Nguyễn Thanh	Chúc	22/07/2002	Nữ	2	111,022	
186	11A11	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	01/07/2002	Nữ	14	111,388	
187	11A7	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	28/09/2002	Nữ	14	111,390	
188	10A12	Lê Thị	Chúc	02/11/2003	Nữ	14	102,343	
189	10A10	Nguyễn Thị	Chúc	12/10/2003	Nữ	3	102,021	
190	10A9	Phạm Thị	Chúc	12/03/2003	Nữ	3	102,023	
191	12A8	Lê Chí	Công	22/12/2001	Nam	3	120,056	
192	10A3	Lê Văn	Công	05/01/2003	Nam	14	102,345	
193	11A2	Lưu Thị Kim	Cúc	05/07/2002	Nữ	14	111,396	
194	10A1	Lê Mạnh	Cường	18/11/2003	Nam	3	102,025	
195	12A6	Nguyễn Trọng	Cường	04/01/2001	Nam	3	120,057	
196	11A11	Nguyễn Văn	Cường	13/05/2002	Nam	14	111,398	
197	11A4	Lương Việt	Cường	25/09/2002	Nam	14	111,400	
198	11A1	Nguyễn Việt	Cường	24/01/2002	Nam	2	111,024	
199	12A7	Lê Công	Danh	26/07/2001	Nam	3	120,058	
200	11A9	Lý Thùy	Diễm	30/04/2002	Nữ	2	111,026	
201	12A6	Nguyễn Đức	Diện	17/12/2001	Nam	3	120,059	
202	10A6	Nguyễn Năng	Diệp	06/05/2003	Nam	14	102,347	
203	10A4	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	21/10/2003	Nữ	14	102,349	
204	10A12	Vũ Thị	Diệu	06/11/2003	Nữ	15	102,351	
205	10A4	Nguyễn Minh	Dịu	21/09/2003	Nữ	15	102,355	
206	12A12	Nguyễn Thị	Dịu	29/06/2001	Nữ	4	120,067	
207	10A10	Nguyễn Thị Thúy	Dịu	30/01/2003	Nữ	3	102,029	
208	11A2	Nguyễn Thị Kim	Dung	17/02/2002	Nữ	15	111,408	
209	10A9	Trần Mỹ	Dung	07/02/2003	Nữ	3	102,031	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
210	11A6	Đỗ Thị Ngọc Dung	29/12/2002	Nữ	15	111,410	
211	11A6	Nguyễn Thị Thanh Dung	11/07/2002	Nữ	15	111,412	
212	11A1	Lê Thảo Dung	05/02/2002	Nữ	2	111,028	
213	12A10	Nguyễn Thị Dung	11/08/2001	Nữ	4	120,068	
214	12A5	Phạm Thị Dung	07/01/2001	Nữ	4	120,069	
215	10A1	Lê Thùy Dung	14/05/2003	Nữ	3	102,033	
216	10A11	Lê Thị Thùy Dung	04/08/2003	Nữ	15	102,357	
217	11A8	Nguyễn Thị Thùy Dung	23/05/2002	Nữ	15	111,414	
218	11A10	Nguyễn Thị Thùy Dung	08/07/2002	Nữ	2	111,030	
219	11A10	Nguyễn Thị Thùy Dung	19/11/2002	Nữ	2	111,032	
220	11A4	Phạm Đức Duy	17/03/2002	Nam	15	111,416	
221	12A8	Nguyễn Tiến Hoàng Duy	24/09/2001	Nam	4	120,070	
222	11A2	Vũ Quang Duy	13/03/2002	Nam	15	111,418	
223	10A7	Hoàng Tuấn Duy	17/08/2003	Nam	15	102,359	
224	11A5	Nguyễn Văn Duy	07/10/2002	Nam	15	111,420	
225	11A11	Lê Thị Mỹ Duyên	15/08/2002	Nữ	15	111,422	
226	12A4	Hoàng Thị Duyên	17/01/2001	Nữ	4	120,071	
227	12A3	Lê Thị Duyên	08/05/2001	Nữ	4	120,072	
228	12A11	Trần Anh Dũng	02/09/2001	Nam	3	120,060	
229	10A3	Trần Anh Dũng	23/08/2003	Nam	15	102,353	
230	10A1	Nguyễn Đình Dũng	05/04/2003	Nam	3	102,027	
231	12A11	Đỗ Lê Dũng	17/05/2001	Nam	4	120,061	
232	12A4	Lê Quang Dũng	07/09/2001	Nam	4	120,062	
233	11A7	Nguyễn Quốc Dũng	05/07/2002	Nam	14	111,402	
234	11A2	Nguyễn Tiến Dũng	15/08/2002	Nam	15	111,404	
235	12A5	Phạm Tiến Dũng	18/04/2001	Nam	4	120,063	
236	12A10	Phạm Tiến Dũng	09/12/2001	Nam	4	120,064	
237	12A3	Nguyễn Văn Dũng	09/10/2001	Nam	4	120,065	
238	12A12	Đào Việt Dũng	24/08/2001	Nam	4	120,066	
239	11A11	Nguyễn Việt Dũng	10/12/2002	Nam	15	111,406	
240	10A6	Nguyễn Ánh Dương	05/02/2003	Nữ	15	102,361	
241	12A11	Nguyễn Như Ánh Dương	24/08/2001	Nữ	4	120,073	
242	10A1	Nguyễn Đại Dương	25/05/2003	Nam	3	102,035	
243	10A2	Nguyễn Đình Dương	24/09/2003	Nam	15	102,363	
244	12A9	Mai Hoàng Dương	30/11/2001	Nam	4	120,074	
245	11A4	Nguyễn Hoàng Dương	12/06/2002	Nam	15	111,424	
246	11A3	Nguyễn Khánh Dương	09/08/2002	Nam	2	111,034	
247	11A1	Nguyễn Mạnh Dương	26/05/2002	Nam	2	111,036	
248	11A1	Nguyễn Minh Dương	30/10/2002	Nữ	3	111,038	
249	12A3	Nguyễn Quý Dương	24/04/2001	Nam	4	120,075	
250	12A5	Lê Thuỳ Dương	16/10/2001	Nữ	4	120,076	
251	10A1	Nguyễn Ngọc Thuỳ Dương	30/12/2003	Nữ	3	102,037	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
252	11A1	Nguyễn Thùy	Dương	09/04/2002	Nữ	3	111,040	
253	10A1	Đào Thị Thùy	Dương	11/03/2003	Nữ	3	102,039	
254	11A9	Nguyễn Thị Thùy	Dương	06/09/2002	Nữ	3	111,042	
255	10A4	Nguyễn Trường	Dương	19/12/2003	Nam	15	102,365	
256	10A1	Nguyễn Chí Dy	Đan	01/01/2003	Nam	3	102,041	
257	10A1	Nguyễn Thị Hương	Đan	08/04/2003	Nữ	4	102,043	
258	12A8	Trần Thị Linh	Đan	12/10/2001	Nữ	4	120,078	
259	10A7	Nguyễn Thị	Đào	01/07/2003	Nữ	15	102,369	
260	10A12	Phạm Thị	Đào	20/05/2003	Nữ	15	102,371	
261	10A2	Mai Đức	Đại	26/10/2003	Nam	15	102,367	
262	11A4	Nguyễn Trọng	Đại	04/07/2002	Nam	15	111,426	
263	11A7	Nguyễn Văn	Đại	19/07/2002	Nam	15	111,428	
264	12A6	Hoàng Vũ	Đại	29/08/2001	Nam	4	120,077	
265	10A1	Nguyễn Quang	Đạo	23/12/2003	Nam	4	102,045	
266	12A10	Nguyễn Công	Đạt	14/05/2001	Nam	4	120,079	
267	10A1	Trần Duy	Đạt	07/08/2003	Nam	4	102,047	
268	10A9	Phạm Lương	Đạt	23/11/2003	Nam	4	102,049	
269	12A6	Lê Quang	Đạt	12/04/2001	Nam	4	120,080	
270	12A5	Lê Thành	Đạt	14/10/2001	Nam	5	120,081	
271	11A3	Nguyễn Thành	Đạt	13/05/2002	Nam	3	111,044	
272	11A6	Nguyễn Thành	Đạt	23/09/2002	Nam	16	111,430	
273	11A3	Bùi Tiến	Đạt	18/11/2002	Nam	3	111,046	
274	10A7	Lê Tiến	Đạt	09/09/2003	Nam	15	102,373	
275	12A5	Nguyễn Tiến	Đạt	17/08/2001	Nam	5	120,082	
276	11A2	Mai Trọng	Đạt	07/06/2002	Nam	16	111,432	
277	11A9	Dư Tuấn	Đạt	15/09/2002	Nam	3	111,048	
278	12A1	Lê Tuấn	Đạt	11/06/2001	Nam	5	120,083	
279	10A5	Quách Tuấn	Đạt	01/05/2003	Nam	15	102,375	
280	12A5	Lê Văn	Đạt	11/05/2000	Nam	5	120,084	
281	11A10	Quách Văn	Đạt	25/05/2002	Nam	3	111,050	
282	12A9	Trần Văn	Đạt	17/09/2001	Nam	5	120,085	
283	10A6	Trần Văn	Đạt	04/01/2003	Nam	15	102,377	
284	10A6	Lê Hải	Đăng	16/10/2003	Nam	15	102,379	
285	11A3	Nguyễn Chu Minh	Đăng	16/12/2002	Nam	3	111,052	
286	10A2	Lê Tiến	Đăng	27/03/2003	Nam	15	102,381	
287	12A1	Nghiêm Phú	Điện	28/09/2001	Nam	5	120,086	
288	11A8	Lê Công	Điện	12/05/2001	Nam	16	111,434	
289	12A11	Nguyễn Đình	Đỉnh	09/06/2001	Nam	5	120,100	
290	12A12	Nguyễn Đình	Đỉnh	21/04/2001	Nam	5	120,092	
291	12A10	Nguyễn Đăng	Đoàn	21/05/2001	Nam	5	120,087	
292	12A6	Lê Đình	Đô	12/09/2001	Nam	5	120,088	
293	12A2	Nguyễn Gia	Đô	25/07/2001	Nam	5	120,089	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
294	12A2	Mai Văn	Đô	13/02/2001	Nam	5	120,090	
295	12A5	Nguyễn Hữu	Đông	06/12/2001	Nam	5	120,091	
296	11A10	Lê Quang	Đồng	23/12/2002	Nam	3	111,054	
297	12A7	Nguyễn Hoàng	Đức	30/06/2001	Nam	5	120,093	
298	12A7	Lê Huỳnh	Đức	14/01/2001	Nam	5	120,094	
299	12A1	Lê Hữu	Đức	30/07/2001	Nam	5	120,095	
300	11A6	Nguyễn Hữu	Đức	12/12/2002	Nam	16	111,436	
301	11A1	Lê Minh	Đức	19/04/2002	Nam	3	111,056	
302	10A3	Lê Minh	Đức	30/09/2003	Nam	16	102,383	
303	11A5	Nguyễn Minh	Đức	28/12/2002	Nam	16	111,438	
304	11A1	Phạm Minh	Đức	10/10/2002	Nam	3	111,058	
305	10A4	Nguyễn Như	Đức	04/08/2003	Nam	16	102,385	
306	12A2	Nghiêm Phú	Đức	20/08/2001	Nam	5	120,096	
307	12A2	Đào Quang	Đức	04/11/2001	Nam	5	120,097	
308	11A1	Lê Tài	Đức	01/04/2002	Nam	3	111,060	
309	12A6	Nguyễn Thiện	Đức	11/03/2001	Nam	5	120,098	
310	12A7	Hoàng Tiến	Đức	18/03/2001	Nam	5	120,099	
311	11A2	Lương Trung	Đức	16/10/2002	Nam	16	111,440	
312	10A5	Nguyễn Văn	Đức	19/06/2003	Nam	16	102,387	
313	11A12	Phạm Văn	Đức	16/09/2002	Nam	16	111,442	
314	11A8	Vũ Văn	Đức	04/10/2002	Nam	16	111,444	
315	11A2	Đỗ Xuân	Đức	27/12/2002	Nam	16	111,446	
316	11A2	Lê Đức	Giang	12/01/2002	Nam	16	111,448	
317	10A6	Phạm Đức	Giang	01/07/2003	Nữ	16	102,389	
318	10A8	Mai Thị Hà	Giang	16/10/2003	Nữ	16	102,391	
319	10A1	Nguyễn Thị Hà	Giang	21/06/2003	Nữ	4	102,051	
320	10A3	Lưu Thị Hồng	Giang	15/11/2003	Nữ	16	102,393	
321	12A1	Hoàng Hương	Giang	07/09/2001	Nữ	6	120,101	
322	11A3	Lê Hương	Giang	06/12/2002	Nữ	3	111,062	
323	10A1	Nguyễn Hương	Giang	25/02/2003	Nữ	4	102,053	
324	12A2	Bùi Thị Hương	Giang	24/08/2001	Nữ	6	120,102	
325	11A1	Hoàng Thị Hương	Giang	19/05/2002	Nữ	3	111,064	
326	10A7	Hoàng Thị Hương	Giang	23/06/2003	Nữ	16	102,395	
327	10A5	Quách Thị Hương	Giang	23/06/2003	Nữ	16	102,397	
328	12A3	Trần Minh	Giang	15/06/2001	Nam	6	120,103	
329	10A10	Đỗ Thị Mỹ	Giang	26/10/2003	Nữ	4	102,055	
330	12A9	Bùi Thị	Giang	27/07/2001	Nữ	6	120,104	
331	10A11	Nguyễn Thị	Giang	10/05/2003	Nữ	16	102,399	
332	12A3	Quách Thị	Giang	25/03/2001	Nữ	6	120,105	
333	10A12	Vũ Thị	Giang	21/01/2003	Nữ	16	102,401	
334	10A12	Nguyễn Thị Thu	Giang	10/07/2003	Nữ	16	102,403	
335	11A9	Lê Trà	Giang	21/05/2002	Nữ	3	111,066	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
336	12A2	Phạm Trà	Giang	07/04/2001	Nữ	6	120,106	
337	12A12	Nguyễn Thị Trà	Giang	30/05/2001	Nữ	6	120,107	
338	12A2	Nguyễn Thị Trà	Giang	07/07/2001	Nữ	6	120,108	
339	12A1	Lương Trường	Giang	16/10/2001	Nam	6	120,109	
340	11A3	Nguyễn Văn	Giang	11/02/2002	Nam	3	111,068	
341	11A5	Vũ Văn	Giang	28/10/2002	Nam	16	111,450	
342	11A11	Nguyễn Xuân	Giang	15/02/2002	Nam	16	111,452	
343	10A8	Nguyễn Anh	Giỏi	02/01/2003	Nam	16	102,405	
344	10A1	Vũ Ngân	Hà	12/07/2003	Nữ	4	102,057	
345	10A8	Phạm Ngọc	Hà	11/08/2003	Nữ	16	102,407	
346	10A8	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	17/07/2003	Nữ	16	102,409	
347	10A9	Phạm Thị Ngọc	Hà	15/01/2003	Nữ	4	102,059	
348	10A11	Phạm Phương	Hà	18/01/2003	Nữ	16	102,411	
349	12A12	Nguyễn Thanh	Hà	13/01/2001	Nữ	6	120,110	
350	11A12	Nguyễn Thanh	Hà	08/11/2002	Nữ	16	111,454	
351	12A11	Nguyễn Thị Thanh	Hà	25/06/2001	Nữ	6	120,111	
352	11A1	Trang Thị Thanh	Hà	12/02/2002	Nữ	4	111,070	
353	10A8	Lê Thị	Hà	23/01/2003	Nữ	16	102,413	
354	10A10	Phạm Thị	Hà	17/08/2003	Nữ	4	102,061	
355	12A11	Lê Thu	Hà	14/03/2001	Nữ	6	120,112	
356	12A1	Lê Thu	Hà	02/09/2001	Nữ	6	120,113	
357	12A12	Nguyễn Thu	Hà	22/08/2001	Nữ	6	120,114	
358	12A5	Phạm Thu	Hà	03/01/2001	Nữ	6	120,115	
359	12A8	Đào Thị Thu	Hà	03/05/2001	Nữ	6	120,117	
360	11A4	Lê Thị Thu	Hà	23/05/2002	Nữ	17	111,456	
361	11A2	Mai Thị Thu	Hà	01/06/2002	Nữ	17	111,458	
362	12A9	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/07/2001	Nữ	6	120,118	
363	12A3	Phùng Thị Thu	Hà	07/10/2001	Nữ	6	120,119	
364	12A9	Trịnh Thu	Hà	02/12/2001	Nữ	6	120,116	
365	12A2	Lê Thuý	Hà	13/03/2001	Nữ	6	120,120	
366	10A3	Mai Việt	Hà	20/11/2003	Nữ	17	102,415	
367	10A9	Nguyễn Việt	Hà	12/11/2003	Nữ	4	102,063	
368	12A1	Nguyễn Chí	Hải	17/01/2001	Nam	7	120,121	
369	11A2	Lê Duy	Hải	28/09/2002	Nam	17	111,460	
370	12A7	Nguyễn Gia	Hải	17/02/2001	Nam	7	120,122	
371	11A7	Phạm Ngọc	Hải	19/08/2002	Nam	17	111,462	
372	10A5	Nguyễn Như	Hải	01/10/2003	Nam	17	102,417	
373	11A6	Nguyễn Thị	Hải	12/02/2002	Nữ	17	111,464	
374	11A12	Lê Thị Bích	Hảo	22/08/2002	Nữ	17	111,470	
375	12A5	Nguyễn Quỳnh	Hảo	12/10/2001	Nữ	7	120,126	
376	11A11	Trần Thị	Hảo	11/05/2002	Nữ	17	111,472	
377	10A9	Nguyễn Xuân	Hạ	20/02/2003	Nữ	4	102,065	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
378	10A11	Đặng Hồng	Hạnh	21/11/2003	Nữ	17	102,419	
379	11A10	Mai Hồng	Hạnh	29/01/2002	Nữ	4	111,072	
380	11A5	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	29/06/2002	Nữ	17	111,466	
381	10A3	Quách Thị Hồng	Hạnh	16/12/2003	Nữ	17	102,421	
382	11A9	Vũ Thị Hồng	Hạnh	22/11/2002	Nữ	4	111,074	
383	12A12	Lê Thị Mỹ	Hạnh	26/07/2001	Nữ	7	120,123	
384	10A1	Lê Thị Mỹ	Hạnh	31/12/2002	Nữ	4	102,067	
385	11A10	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	23/06/2002	Nữ	4	111,076	
386	10A10	Trần Thị Mỹ	Hạnh	15/10/2003	Nữ	5	102,069	
387	11A6	Lưu Thị	Hạnh	30/03/2002	Nữ	17	111,468	
388	12A1	Nguyễn Thị	Hạnh	15/10/2001	Nữ	7	120,124	
389	10A11	Nguyễn Thị	Hạnh	12/04/2003	Nữ	17	102,423	
390	12A9	Lê Thuý	Hạnh	03/09/2001	Nữ	7	120,125	
391	10A3	Nguyễn Thúy	Hạnh	06/12/2003	Nữ	17	102,425	
392	10A4	Trần Thị Lê	Hằng	21/04/2003	Nữ	17	102,427	
393	11A10	Phạm Thanh	Hằng	01/12/2002	Nữ	4	111,078	
394	12A12	Hoàng Thị	Hằng	13/02/2001	Nữ	7	120,127	
395	11A9	Nguyễn Thị	Hằng	20/03/2002	Nữ	4	111,080	
396	11A6	Nguyễn Thị	Hằng	30/03/2002	Nữ	17	111,474	
397	11A2	Nguyễn Thị	Hằng	15/10/2002	Nữ	17	111,476	
398	12A1	Vũ Thị	Hằng	01/04/2001	Nữ	7	120,128	
399	10A5	Nguyễn Thu	Hằng	16/12/2003	Nữ	17	102,429	
400	10A11	Lê Thị Thu	Hằng	21/11/2003	Nữ	17	102,431	
401	10A7	Phạm Thị Thu	Hằng	05/07/2003	Nữ	17	102,433	
402	12A10	Nguyễn Như Thuý	Hằng	23/04/2001	Nữ	7	120,129	
403	12A9	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	28/08/2001	Nữ	7	120,130	
404	11A11	Phạm Thị Thuý	Hằng	04/03/2002	Nữ	17	111,478	
405	10A7	Lê Thị Thúy	Hằng	31/10/2003	Nữ	17	102,435	
406	10A8	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	09/12/2003	Nữ	17	102,437	
407	11A12	Lê Văn	Hậu	08/08/2002	Nam	17	111,480	
408	12A8	Nguyễn Thị Huệ	Hiền	07/06/2001	Nữ	7	120,133	
409	11A9	Nguyễn Minh	Hiền	09/07/2002	Nữ	4	111,082	
410	10A3	Nguyễn Thị Minh	Hiền	16/08/2003	Nữ	18	102,449	
411	10A3	Bùi Thanh	Hiền	08/06/2003	Nữ	18	102,451	
412	10A10	Lê Thanh	Hiền	29/11/2003	Nữ	5	102,073	
413	12A1	Đỗ Thị	Hiền	26/04/2001	Nữ	7	120,134	
414	10A8	Nguyễn Thị	Hiền	13/03/2003	Nữ	18	102,453	
415	10A12	Nguyễn Thị	Hiền	05/10/2003	Nữ	18	102,455	
416	11A4	Trần Thị	Hiền	08/12/2002	Nữ	18	111,488	
417	10A9	Vương Thị	Hiền	25/09/2003	Nữ	5	102,075	
418	10A8	Đỗ Thu	Hiền	13/10/2003	Nữ	18	102,457	
419	10A10	Lê Thu	Hiền	28/10/2003	Nữ	5	102,077	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
420	12A8	Nguyễn Thu	Hiền	04/06/2001	Nữ	7	120,135	
421	12A4	Lê Thị Thu	Hiền	13/09/2001	Nữ	7	120,136	
422	10A6	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/12/2003	Nữ	18	102,459	
423	11A4	Lê Thuý	Hiền	11/12/2002	Nữ	18	111,490	
424	12A12	Nguyễn Thuý	Hiền	05/06/2001	Nữ	7	120,137	
425	11A7	Phạm Thuý	Hiền	27/03/2002	Nữ	18	111,492	
426	10A2	Mai Thuý	Hiền	03/03/2003	Nữ	18	102,461	
427	11A9	Nguyễn Thuý	Hiền	02/04/2002	Nữ	4	111,084	
428	11A6	Đào Bá	Hiền	18/11/2002	Nam	18	111,482	
429	10A2	Nguyễn Duy	Hiền	30/12/2002	Nam	17	102,439	
430	10A9	Phạm Như	Hiền	16/10/2003	Nam	5	102,071	
431	12A6	Nguyễn Trọng	Hiền	15/09/2001	Nam	7	120,138	
432	10A4	Trịnh Duy	Hiếu	21/09/2003	Nam	18	102,463	
433	11A7	Nguyễn Đình	Hiếu	10/09/2002	Nam	18	111,494	
434	11A4	Nguyễn Đức	Hiếu	17/09/2002	Nam	18	111,496	
435	10A3	Tạ Đức	Hiếu	27/08/2003	Nam	18	102,465	
436	12A3	Đào Đỗ Minh	Hiếu	03/09/2001	Nam	7	120,139	
437	10A8	Lê Minh	Hiếu	05/08/2003	Nam	18	102,467	
438	10A9	Nguyễn Minh	Hiếu	15/03/2003	Nam	5	102,079	
439	11A8	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	16/09/2002	Nữ	18	111,498	
440	12A6	Đào Quang	Hiếu	28/09/2001	Nam	7	120,140	
441	12A7	Nguyễn Quý	Hiếu	26/05/2001	Nam	8	120,141	
442	12A5	Lê Trung	Hiếu	14/11/2000	Nam	8	120,142	
443	11A6	Lê Trung	Hiếu	13/10/2002	Nam	18	111,500	
444	11A4	Lê Trung	Hiếu	27/11/2002	Nam	18	111,502	
445	10A2	Nguyễn Trung	Hiếu	11/07/2003	Nam	18	102,469	
446	11A2	Trương Trung	Hiếu	15/08/2002	Nam	18	111,504	
447	12A12	Đỗ Văn	Hiếu	11/06/2000	Nam	8	120,143	
448	12A7	Nguyễn Văn	Hiếu	08/02/2001	Nam	8	120,144	
449	10A4	Hoàng Xuân	Hiếu	04/05/2003	Nam	18	102,471	
450	10A7	Lê Công	Hiệp	13/08/2003	Nam	17	102,441	
451	10A4	Lê Đại	Hiệp	10/10/2003	Nam	17	102,443	
452	10A2	Nguyễn Đình	Hiệp	14/08/2003	Nam	17	102,445	
453	11A2	Nguyễn Hoàng	Hiệp	13/12/2002	Nam	18	111,484	
454	10A3	Lê Minh	Hiệp	17/08/2003	Nam	18	102,447	
455	12A3	Vũ Ngọc	Hiệp	02/10/2001	Nam	7	120,131	
456	12A4	Lê Văn	Hiệu	09/05/2001	Nam	7	120,132	
457	11A6	Vũ Thị Thanh	Hiền	30/05/2002	Nữ	18	111,486	
458	12A12	Tô Thị Kim	Hoa	14/09/2001	Nữ	8	120,145	
459	10A3	Tông Mỹ	Hoa	18/05/2003	Nữ	18	102,473	
460	12A4	Nguyễn Như	Hoa	29/11/2001	Nữ	8	120,146	
461	12A2	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/04/2001	Nữ	8	120,147	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
462	12A4	Vũ Thị Quỳnh	Hoa	06/07/2001	Nữ	8	120,148	
463	12A4	Nguyễn Thị	Hoa	03/02/2001	Nữ	8	120,149	
464	10A7	Nguyễn Thị	Hoa	17/04/2003	Nữ	18	102,475	
465	10A8	Quách Thị	Hoa	03/02/2003	Nữ	18	102,477	
466	10A9	Nguyễn Thu	Hoà	14/03/2003	Nữ	5	102,081	
467	10A3	Phạm Việt	Hoà	19/05/2003	Nam	19	102,479	
468	12A6	Ngô Thị	Hoài	04/12/2001	Nữ	8	120,151	
469	12A8	Nguyễn Thu	Hoài	04/04/2001	Nữ	8	120,152	
470	10A5	Nguyễn Như Tô	Hoài	14/01/2003	Nam	19	102,481	
471	12A7	Tạ Thị Ngọc	Hoàn	21/06/2001	Nữ	8	120,153	
472	12A3	Lê Trọng	Hoàn	06/05/2001	Nam	8	120,154	
473	12A5	Nguyễn Đình	Hoàng	13/10/2000	Nam	8	120,155	
474	11A6	Lê Đức	Hoàng	12/11/2002	Nam	19	111,508	
475	12A2	Lê Huy	Hoàng	02/06/2001	Nam	8	120,156	
476	11A4	Lê Huy	Hoàng	04/11/2002	Nam	19	111,510	
477	10A3	Lê Huy	Hoàng	23/06/2003	Nam	19	102,483	
478	10A4	Lê Huy	Hoàng	06/10/2003	Nam	19	102,485	
479	11A5	Đào Quang Huy	Hoàng	05/12/2002	Nam	19	111,512	
480	10A6	Lê Hữu	Hoàng	09/11/2003	Nam	19	102,487	
481	10A4	Nguyễn Hữu	Hoàng	30/05/2003	Nam	19	102,489	
482	11A8	Nguyễn Lê	Hoàng	18/05/2001	Nam	19	111,514	
483	12A8	Mai Minh	Hoàng	26/04/2001	Nam	8	120,157	
484	12A7	Nguyễn Minh	Hoàng	19/08/2001	Nam	8	120,158	
485	12A3	Nguyễn Trọng	Hoàng	11/01/2001	Nam	8	120,159	
486	11A7	Trần Thị Khánh	Hòa	28/03/2002	Nữ	18	111,506	
487	11A1	Đỗ Thị	Hòa	01/06/2002	Nữ	4	111,086	
488	12A10	Đỗ Trung	Hòa	03/09/2001	Nam	8	120,150	
489	10A6	Đỗ Thị Mai	Hồng	04/06/2003	Nữ	19	102,491	
490	12A8	Nguyễn Thị	Hồng	21/02/2001	Nữ	8	120,160	
491	12A8	Nguyễn Thị	Hồng	24/03/2001	Nữ	9	120,161	
492	12A2	Nguyễn Thị	Hồng	02/10/2001	Nữ	9	120,162	
493	11A11	Nguyễn Thị	Hồng	05/06/2002	Nữ	19	111,516	
494	10A12	Nguyễn Thị	Hồng	29/09/2003	Nữ	19	102,493	
495	10A11	Phạm Thị	Hồng	21/07/2003	Nữ	19	102,495	
496	10A7	Lê Thị	Huế	21/06/2003	Nữ	19	102,501	
497	11A1	Nguyễn Thị Minh	Huệ	09/05/2002	Nữ	4	111,088	
498	11A9	Nguyễn Thị Minh	Huệ	09/06/2002	Nữ	4	111,090	
499	11A2	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	19/11/2002	Nữ	19	111,518	
500	12A10	Phạm Thị	Huệ	24/12/2001	Nữ	9	120,163	
501	11A3	Nguyễn Đình	Huy	15/01/2002	Nam	4	111,092	
502	11A2	Nguyễn Gia	Huy	12/05/2002	Nam	19	111,524	
503	12A2	Lê Ngọc	Huy	11/11/2001	Nam	9	120,166	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
504	11A5	Hoàng Quang	Huy	19/08/2002	Nam	19	111,526	
505	12A6	Lê Quang	Huy	22/12/2001	Nam	9	120,167	
506	11A4	Lê Quang	Huy	23/10/2002	Nam	19	111,528	
507	10A8	Nguyễn Quang	Huy	04/09/2003	Nam	19	102,503	
508	10A3	Trịnh Quang	Huy	07/03/2003	Nam	19	102,505	
509	11A8	Nghiêm Phú Quốc	Huy	26/05/2002	Nam	19	111,530	
510	10A12	Trình Quốc	Huy	23/11/2003	Nam	19	102,507	
511	10A3	Nguyễn Thiện	Huy	09/11/2003	Nam	19	102,509	
512	11A12	Lê Tiến	Huy	17/03/2002	Nam	19	111,532	
513	12A3	Lưu Tiến	Huy	08/09/2001	Nam	9	120,168	
514	11A12	Nguyễn Tiến	Huy	04/09/1999	Nam	20	111,534	
515	11A4	Phạm Tiến	Huy	22/08/2002	Nam	20	111,536	
516	11A4	Nguyễn Tuấn	Huy	07/08/2002	Nam	20	111,538	
517	11A1	Mai Văn	Huy	26/05/2002	Nam	4	111,094	
518	11A5	Nguyễn Văn	Huy	03/03/2002	Nam	20	111,540	
519	10A5	Nguyễn Văn	Huy	18/01/2003	Nam	20	102,511	
520	10A1	Phạm Văn	Huy	25/12/2003	Nam	5	102,083	
521	10A5	Quách Văn	Huy	18/02/2003	Nam	20	102,513	
522	10A4	Hoàng Việt	Huy	22/12/2003	Nam	20	102,515	
523	11A2	Nguyễn Xuân	Huy	09/10/2002	Nam	20	111,542	
524	10A1	Lê Khánh	Huyền	15/07/2003	Nữ	5	102,085	
525	11A5	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/03/2002	Nữ	20	111,544	
526	10A12	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	21/12/2003	Nữ	20	102,517	
527	11A3	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	30/06/2002	Nữ	4	111,096	
528	10A10	Tạ Ngọc	Huyền	09/06/2003	Nữ	5	102,087	
529	10A3	Lê Phương	Huyền	29/10/2003	Nữ	20	102,521	
530	12A7	Nguyễn Kim Thanh	Huyền	15/12/2001	Nữ	9	120,169	
531	10A7	Nguyễn Thanh	Huyền	11/07/2003	Nữ	20	102,523	
532	12A7	Lưu Thị Thanh	Huyền	18/04/2001	Nữ	9	120,170	
533	12A9	Phạm Thị Thanh	Huyền	09/02/2001	Nữ	9	120,171	
534	11A7	Phạm Thị Thanh	Huyền	24/03/2002	Nữ	20	111,546	
535	11A11	Nguyễn Thảo	Huyền	27/06/2002	Nữ	20	111,548	
536	11A2	Đỗ Thị	Huyền	19/06/2002	Nữ	20	111,550	
537	10A11	Lê Thị	Huyền	14/09/2003	Nữ	20	102,525	
538	11A4	Nguyễn Thị	Huyền	12/03/2002	Nữ	20	111,552	
539	10A9	Nguyễn Thị	Huyền	21/07/2003	Nữ	5	102,089	
540	10A6	Nguyễn Thị	Huyền	15/11/2003	Nữ	20	102,527	
541	11A4	Phạm Thị	Huyền	01/08/2002	Nữ	20	111,554	
542	10A12	Phạm Thu	Huyền	23/03/2003	Nữ	20	102,529	
543	11A12	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/02/2002	Nữ	20	111,558	
544	10A11	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/08/2003	Nữ	20	102,531	
545	10A12	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/12/2003	Nữ	20	102,533	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
546	11A2	Trần Thu	Huyền	12/12/2002	Nữ	20	111,556	
547	10A4	Vũ Thị Ngọc	Huyền	29/10/2003	Nữ	20	102,519	
548	10A2	Vũ Đức	Hùng	16/03/2003	Nam	19	102,497	
549	12A5	Nguyễn Huy	Hùng	23/01/2001	Nam	9	120,164	
550	10A6	Nguyễn Huy	Hùng	01/06/2003	Nam	19	102,499	
551	11A2	Trần Mạnh	Hùng	23/04/2002	Nam	19	111,520	
552	12A2	Nghiêm Tuấn	Hùng	22/09/2001	Nam	9	120,165	
553	11A11	Lê Văn	Hùng	29/01/2002	Nam	19	111,522	
554	10A4	Nguyễn Đức	Hưng	05/03/2003	Nam	20	102,535	
555	11A7	Trần Ngô Mạnh	Hưng	22/03/2002	Nam	21	111,560	
556	10A6	Trần Ngọc	Hưng	08/11/2003	Nam	20	102,537	
557	10A6	Trần Phúc	Hưng	13/10/2003	Nam	20	102,539	
558	12A7	Đào Quang	Hưng	17/04/2001	Nam	9	120,172	
559	11A7	Phùng Thanh	Hưng	04/10/2002	Nam	21	111,562	
560	11A6	Phạm Vũ	Hưng	25/08/2002	Nam	21	111,564	
561	10A3	Vương Diễm	Hương	29/11/2003	Nữ	20	102,541	
562	10A6	Lê Diệu	Hương	04/10/2003	Nữ	21	102,543	
563	12A7	Bạch Thị Lan	Hương	03/11/2001	Nữ	9	120,173	
564	12A10	Nguyễn Linh	Hương	16/01/2001	Nữ	9	120,174	
565	12A5	Nguyễn Thị Linh	Hương	22/09/2001	Nữ	9	120,175	
566	11A4	Lưu Mai	Hương	08/11/2002	Nữ	21	111,566	
567	10A2	Nguyễn Mai	Hương	27/06/2003	Nữ	21	102,545	
568	10A3	Phạm Mai	Hương	23/09/2003	Nữ	21	102,547	
569	10A10	Hoàng Thị Mai	Hương	22/07/2003	Nữ	5	102,091	
570	11A3	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/12/2002	Nữ	4	111,098	
571	10A8	Nguyễn Thị Minh	Hương	13/08/2003	Nữ	21	102,549	
572	10A12	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	10/08/2003	Nữ	21	102,551	
573	10A4	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	28/12/2003	Nữ	21	102,553	
574	11A12	Lê Thị	Hương	02/01/2002	Nữ	21	111,568	
575	12A8	Nguyễn Thị	Hương	05/06/2001	Nữ	9	120,176	
576	11A9	Nghiêm Thu	Hương	24/12/2002	Nữ	4	111,100	
577	10A9	Nguyễn Thu	Hương	20/05/2003	Nữ	5	102,093	
578	10A3	Nguyễn Thu	Hương	02/10/2003	Nữ	21	102,555	
579	10A6	Hoàng Thị Thu	Hương	06/10/2003	Nữ	21	102,557	
580	12A10	Đào Thị	Hường	25/06/2001	Nữ	9	120,177	
581	12A10	Vũ Thị	Hường	12/05/2001	Nữ	9	120,178	
582	10A11	Bùi Thu	Hường	15/05/2003	Nữ	21	102,559	
583	11A5	Lưu Thị Thúy	Hường	13/10/2002	Nữ	21	111,570	
584	11A2	Nguyễn Văn	Hưởng	08/11/2002	Nam	21	111,572	
585	12A12	Trần Duy	Í	09/09/2000	Nam	25	120,483	
586	11A4	Nguyễn Hoàng	Khang	12/12/2002	Nam	21	111,574	
587	11A4	Lê Phúc Văn	Khang	01/03/2002	Nam	21	111,576	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
588	11A9	Lê Quang	Khải	09/08/2002	Nam	5	111,102	
589	12A2	Tạ Quang	Khải	06/08/2001	Nam	9	120,179	
590	12A3	Quách Văn	Khải	21/05/2001	Nam	9	120,180	
591	12A9	Vũ Bá	Khánh	19/04/2001	Nam	10	120,181	
592	11A4	Lê Duy	Khánh	08/06/2002	Nam	21	111,578	
593	12A3	Nguyễn Duy	Khánh	13/05/2001	Nam	10	120,182	
594	11A2	Mai Đức	Khánh	12/06/2002	Nam	21	111,580	
595	10A2	Nguyễn Hồng	Khánh	26/12/2003	Nam	21	102,561	
596	10A4	Đình Công Nam	Khánh	06/05/2003	Nam	21	102,563	
597	12A6	Phạm Đình Ngọc	Khánh	08/05/2001	Nam	10	120,183	
598	12A12	Đỗ Quốc	Khánh	02/09/2001	Nam	10	120,184	
599	12A6	Nguyễn Văn	Khánh	03/07/2000	Nam	10	120,185	
600	12A1	Nguyễn Thị Vân	Khánh	26/09/2001	Nữ	10	120,186	
601	10A3	Nguyễn Khắc Việt	Khánh	14/12/2003	Nam	21	102,565	
602	11A7	Nguyễn Huy	Khiêm	23/01/2002	Nam	21	111,582	
603	11A7	Nguyễn Văn	Khiêm	01/09/2002	Nam	21	111,584	
604	11A5	Nguyễn Đức	Khoái	04/07/2002	Nam	22	111,586	
605	12A6	Lê Danh	Khỏe	30/06/2001	Nam	10	120,187	
606	10A2	Nguyễn Trọng	Khôi	09/03/2003	Nam	21	102,567	
607	10A6	Nguyễn Tuấn	Khôi	19/05/2003	Nam	21	102,569	
608	10A4	Nguyễn Văn	Khuyến	06/10/2003	Nam	21	102,571	
609	11A3	Nguyễn Bá	Kiên	30/12/2001	Nam	5	111,104	
610	10A2	Lê Đức	Kiên	01/01/2003	Nam	21	102,573	
611	10A5	Nguyễn Mạnh	Kiên	11/04/2003	Nam	22	102,575	
612	10A2	Vũ Mạnh	Kiên	26/06/2003	Nam	22	102,577	
613	10A11	Nguyễn Phúc	Kiên	19/08/2003	Nam	22	102,579	
614	12A2	Nguyễn Trọng	Kiên	05/05/2001	Nam	10	120,188	
615	10A5	Hoàng Trung	Kiên	01/10/2003	Nam	22	102,581	
616	10A5	Nguyễn Trung	Kiên	21/02/2003	Nam	22	102,583	
617	10A5	Phạm Trung	Kiên	15/03/2003	Nam	22	102,585	
618	10A12	Phạm Trung	Kiên	16/08/2003	Nam	22	102,587	
619	11A7	Lê Trần Trung	Kiên	06/07/2002	Nam	22	111,588	
620	10A1	Đặng Văn	Kiên	05/02/2003	Nam	6	102,095	
621	12A7	Lưu Văn	Kiên	21/10/2001	Nam	10	120,189	
622	10A10	Nguyễn Văn	Kiên	01/04/2003	Nam	6	102,097	
623	12A9	Trần Xuân	Kiên	22/10/2001	Nam	10	120,190	
624	12A12	Nguyễn Thị	Kiều	05/04/2001	Nữ	10	120,191	
625	10A9	Nguyễn Thị Thu	Kiều	04/08/2003	Nữ	6	102,101	
626	10A1	Lê Tuấn	Kiệt	23/06/2003	Nam	6	102,099	
627	12A6	Nguyễn Văn	Kỳ	03/04/2001	Nam	10	120,192	
628	10A7	Mai Hoàng	Lan	02/11/2003	Nữ	22	102,589	
629	10A2	Phạm Hoàng	Lan	20/04/2003	Nữ	22	102,591	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
630	11A12	Vũ Hoàng	Lan	03/01/2002	Nữ	22	111,590	
631	12A3	Phạm Hương	Lan	19/10/2001	Nữ	10	120,194	
632	12A3	Lê Thị Hương	Lan	27/08/2001	Nữ	10	120,195	
633	11A7	Nguyễn Thị Hương	Lan	08/06/2002	Nữ	22	111,592	
634	11A9	Quách Thị Hương	Lan	13/10/2002	Nữ	5	111,106	
635	12A10	Chu Thị Ngọc	Lan	25/06/2001	Nữ	10	120,196	
636	11A5	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	22/05/2002	Nữ	22	111,594	
637	12A9	Bùi Thị Phương	Lan	17/12/2001	Nữ	10	120,197	
638	11A8	Đào Thị Phương	Lan	24/03/2002	Nữ	22	111,596	
639	10A10	Nguyễn Thị Phương	Lan	28/03/2003	Nữ	6	102,103	
640	11A7	Trần Thị Phương	Lan	16/09/2002	Nữ	22	111,598	
641	11A12	Đào Thị	Lan	07/01/2002	Nữ	22	111,600	
642	11A2	Lưu Thị	Lan	18/09/2002	Nữ	22	111,602	
643	12A11	Nguyễn Thị	Lan	23/08/2001	Nữ	10	120,198	
644	12A9	Nguyễn Thị	Lan	16/12/2001	Nữ	10	120,199	
645	10A2	Nguyễn Thị	Lan	23/06/2003	Nữ	22	102,593	
646	10A10	Nguyễn Thị	Lan	14/11/2003	Nữ	6	102,105	
647	12A1	Phạm Văn	Lạc	17/02/2001	Nam	10	120,193	
648	11A4	Nguyễn Công	Lâm	10/09/2002	Nam	22	111,604	
649	11A9	Lê Đăng	Lâm	27/12/2001	Nam	5	111,108	
650	10A8	Nguyễn Đình	Lâm	14/09/2003	Nam	22	102,595	
651	11A4	Nguyễn Đức	Lâm	27/07/2002	Nam	22	111,606	
652	12A4	Nguyễn Hùng	Lâm	19/02/2001	Nam	10	120,200	
653	12A12	Nguyễn Ngọc	Lâm	15/10/1999	Nam	11	120,201	
654	10A3	Nguyễn Thị Ngọc	Lâm	30/04/2003	Nữ	22	102,597	
655	10A2	Lê Quang	Lâm	18/11/2003	Nam	22	102,599	
656	10A6	Nguyễn Tùng	Lâm	30/07/2003	Nam	22	102,601	
657	12A3	Lê Văn	Lâm	07/12/2001	Nam	11	120,202	
658	12A4	Lương Xuân	Lập	02/01/2001	Nam	11	120,203	
659	10A9	Phùng Thị Khánh	Lệ	12/01/2003	Nữ	6	102,107	
660	11A8	Lê Quang	Lệ	29/08/2001	Nam	22	111,608	
661	12A10	Đỗ Thị	Lệ	05/04/2001	Nữ	11	120,204	
662	10A9	Nguyễn Hồng	Liên	14/03/2003	Nữ	6	102,109	
663	12A11	Nguyễn Thị Kim	Liên	13/05/2001	Nữ	11	120,205	
664	10A10	Lương Thảo	Liên	27/06/2003	Nữ	6	102,111	
665	10A1	Hoàng Thị	Liên	03/11/2003	Nữ	6	102,113	
666	11A12	Quách Thị	Liên	23/03/2002	Nữ	22	111,610	
667	10A10	Quách Thị	Liên	20/01/2003	Nữ	6	102,115	
668	12A3	Lê Diệu	Linh	16/12/2001	Nữ	11	120,206	
669	11A9	Lý Diệu	Linh	14/06/2002	Nữ	5	111,110	
670	10A5	Đào Thị Diệu	Linh	17/08/2003	Nữ	22	102,603	
671	12A10	Hoàng Thị Diệu	Linh	09/12/2001	Nữ	11	120,207	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
672	12A3	Mai Thị Diệu Linh	13/04/2001	Nữ	11	120,208	
673	11A1	Nguyễn Đức Duy Linh	24/11/2002	Nam	5	111,112	
674	11A5	Nguyễn Duy Linh	02/10/2002	Nam	23	111,612	
675	11A1	Nguyễn Thị Giang Linh	30/03/2002	Nữ	5	111,114	
676	11A1	Nguyễn Hải Linh	28/09/2002	Nữ	5	111,116	
677	10A4	Lê Hiền Linh	13/03/2003	Nữ	22	102,605	
678	12A2	Phạm Hoài Linh	28/05/2001	Nữ	11	120,209	
679	11A5	Phạm Hoàng Linh	30/01/2002	Nam	23	111,614	
680	10A7	Lê Thị Huyền Linh	31/10/2003	Nữ	23	102,607	
681	11A1	Nguyễn Duy Khánh Linh	28/10/2002	Nữ	5	111,120	
682	10A6	Đặng Khánh Linh	04/12/2003	Nữ	23	102,609	
683	12A1	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	12/07/2001	Nữ	11	120,213	
684	12A12	Nguyễn Khánh Linh	05/09/2001	Nữ	11	120,210	
685	12A3	Nguyễn Khánh Linh	07/10/2001	Nữ	11	120,211	
686	12A9	Nguyễn Khánh Linh	12/12/2001	Nữ	11	120,212	
687	11A1	Phạm Khánh Linh	03/09/2002	Nữ	5	111,118	
688	10A5	Lê Thị Khánh Linh	28/10/2003	Nữ	23	102,611	
689	12A10	Nguyễn Thị Khánh Linh	12/07/2001	Nữ	11	120,214	
690	10A3	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/10/2003	Nữ	23	102,613	
691	10A11	Đào Thị Kiều Linh	02/10/2003	Nữ	23	102,615	
692	12A9	Nguyễn Phạm Linh Linh	26/12/2001	Nữ	11	120,215	
693	10A11	Trịnh Linh Linh	10/09/2003	Nữ	23	102,617	
694	11A10	Lê Mai Linh	16/07/2002	Nữ	5	111,122	
695	12A10	Đỗ Thị Mai Linh	03/01/2001	Nữ	11	120,216	
696	11A10	Nguyễn Thị Mai Linh	11/08/2002	Nữ	5	111,124	
697	11A5	Trần Mai Linh	30/04/2002	Nữ	23	111,616	
698	12A11	Lê Thị Mỹ Linh	05/05/2001	Nữ	11	120,217	
699	11A9	Mai Ngọc Linh	08/11/2002	Nữ	5	111,126	
700	10A4	Nguyễn Ngọc Linh	17/10/2003	Nữ	23	102,619	
701	12A11	Nguyễn Thị Ngọc Linh	21/12/2001	Nữ	11	120,218	
702	12A3	Phạm Thị Ngọc Linh	25/01/2001	Nữ	11	120,219	
703	11A3	Nguyễn Nhật Linh	06/08/2002	Nữ	5	111,128	
704	10A5	Nguyễn Nhật Linh	18/10/2003	Nữ	23	102,621	
705	11A6	Chu Lê Phương Linh	17/03/2002	Nữ	23	111,620	
706	12A9	Nguyễn Phương Linh	14/01/2001	Nữ	11	120,220	
707	12A7	Đào Thị Phương Linh	01/09/2001	Nữ	12	120,221	
708	10A10	Lê Thị Phương Linh	09/07/2003	Nữ	6	102,117	
709	10A12	Lê Thị Phương Linh	09/12/2003	Nữ	23	102,625	
710	12A11	Nguyễn Thị Phương Linh	10/12/2001	Nữ	12	120,222	
711	10A1	Nguyễn Thị Phương Linh	17/06/2003	Nữ	6	102,119	
712	10A10	Phạm Thị Phương Linh	04/12/2003	Nữ	7	102,121	
713	11A12	Trần Phương Linh	17/07/2002	Nữ	23	111,618	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
714	10A12	Trần Phương	Linh	25/12/2003	Nữ	23	102,623	
715	11A10	Lý Thị	Linh	30/01/2002	Nữ	5	111,130	
716	12A9	Ngô Thị	Linh	07/08/2000	Nữ	12	120,223	
717	12A1	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2001	Nữ	12	120,224	
718	10A1	Nguyễn Thị	Linh	07/07/2003	Nữ	7	102,123	
719	10A4	Nguyễn Thị	Linh	14/08/2003	Nữ	23	102,627	
720	11A3	Lương Thu	Linh	05/04/2002	Nữ	5	111,132	
721	11A9	Nguyễn Thùy	Linh	07/03/2002	Nữ	6	111,134	
722	11A12	Lưu Thị Thùy	Linh	08/05/2002	Nữ	23	111,622	
723	12A1	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24/02/2001	Nữ	12	120,227	
724	12A9	Nguyễn Thùy	Linh	19/10/2001	Nữ	12	120,225	
725	10A9	Nguyễn Thùy	Linh	06/09/2003	Nữ	7	102,125	
726	12A1	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/04/2001	Nữ	12	120,228	
727	12A10	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/08/2001	Nữ	12	120,229	
728	10A7	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/02/2003	Nữ	23	102,629	
729	10A12	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/07/2003	Nữ	23	102,631	
730	12A10	Vũ Thùy	Linh	27/04/2001	Nữ	12	120,226	
731	11A1	Nguyễn Tiến	Linh	16/06/2002	Nam	6	111,136	
732	10A5	Lê Tuấn	Linh	31/12/2003	Nam	23	102,633	
733	10A6	Lê Văn	Linh	28/10/2003	Nam	23	102,635	
734	12A4	Nguyễn Văn	Linh	11/01/2001	Nam	12	120,230	
735	10A3	Nguyễn Thị Mai	Loan	21/02/2003	Nữ	23	102,637	
736	10A5	Lê Thị Phương	Loan	01/12/2003	Nữ	24	102,639	
737	11A9	Lê Thanh	Loan	20/11/2002	Nữ	6	111,138	
738	11A5	Nguyễn Thị	Loan	23/03/2002	Nữ	23	111,624	
739	10A11	Nguyễn Thị	Loan	22/05/2003	Nữ	24	102,641	
740	10A12	Trần Thị	Loan	01/09/2003	Nữ	24	102,643	
741	11A2	Hoàng Chí	Long	06/12/2002	Nam	23	111,626	
742	10A7	Nguyễn Đức	Long	21/08/2003	Nam	24	102,645	
743	11A7	Phạm Đức	Long	21/04/2002	Nam	23	111,628	
744	12A6	Trần Hải	Long	16/11/2001	Nam	12	120,231	
745	10A5	Lê Hoàng	Long	29/10/2003	Nam	24	102,647	
746	11A4	Phạm Huy	Long	24/07/2002	Nam	23	111,630	
747	12A2	Phạm Thành	Long	19/01/2001	Nam	12	120,232	
748	11A5	Phạm Tuấn	Long	05/12/2002	Nam	23	111,632	
749	12A5	Lê Văn	Long	25/12/2000	Nam	12	120,233	
750	11A1	Nguyễn Văn	Long	27/05/2002	Nam	6	111,140	
751	11A4	Lê Việt	Long	15/11/2000	Nam	23	111,634	
752	11A3	Nguyễn Đình	Lộc	09/12/2002	Nam	6	111,142	
753	10A3	Nguyễn Phúc	Lộc	05/11/2003	Nam	24	102,649	
754	12A11	Hoàng Thị	Lộc	13/06/2001	Nữ	12	120,234	
755	10A7	Đào Quang	Lợi	08/07/2003	Nam	24	102,651	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
756	12A8	Nguyễn Thị	Lợi	12/07/2001	Nữ	12	120,235	
757	11A7	Nguyễn Trọng	Lợi	22/04/2002	Nam	23	111,636	
758	10A8	Vũ Bá	Luân	15/06/2003	Nam	24	102,653	
759	11A1	Phạm Thị Minh	Luyến	03/09/2002	Nữ	6	111,144	
760	11A12	Quách Ngọc	Luyến	25/08/2001	Nữ	24	111,640	
761	11A11	Lê Hồng	Lụa	05/08/2002	Nữ	24	111,638	
762	12A2	Nguyễn Trọng	Lư	27/10/2001	Nam	12	120,236	
763	11A8	Lê Đức	Lương	14/12/2002	Nam	24	111,642	
764	11A7	Nguyễn Thị	Lương	13/07/2002	Nữ	24	111,644	
765	11A3	Nguyễn Thị	Lương	21/12/2002	Nữ	6	111,146	
766	12A2	Hoàng Thế	Lực	17/02/2001	Nam	12	120,237	
767	11A4	Nguyễn Thị	Lựu	31/05/2002	Nữ	24	111,646	
768	11A12	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	29/05/2002	Nữ	24	111,648	
769	12A1	Nguyễn Diệu	Ly	12/10/2001	Nữ	12	120,238	
770	12A9	Nguyễn Hương	Ly	20/12/2001	Nữ	12	120,239	
771	11A9	Phạm Hương	Ly	27/09/2002	Nữ	6	111,148	
772	12A1	Tạ Hương	Ly	20/05/2001	Nữ	12	120,240	
773	10A4	Tạ Hương	Ly	29/08/2003	Nữ	24	102,655	
774	10A11	Nguyễn Thị Hương	Ly	01/05/2003	Nữ	24	102,657	
775	11A3	Vũ Thị Hương	Ly	12/02/2002	Nữ	6	111,150	
776	10A10	Nguyễn Như Khánh	Ly	01/06/2003	Nữ	7	102,127	
777	10A8	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/09/2003	Nữ	24	102,659	
778	12A5	Trần Ly	Ly	06/10/2001	Nam	13	120,241	
779	10A2	Nguyễn Ngọc	Ly	02/01/2003	Nữ	24	102,663	
780	12A12	Lê Phương	Ly	05/09/2001	Nữ	13	120,242	
781	12A7	Hoàng Thảo	Ly	09/06/2001	Nữ	13	120,243	
782	11A5	Lê Thi	Ly	08/06/2002	Nữ	24	111,650	
783	12A10	Quách Thị	Ly	11/12/2001	Nữ	13	120,244	
784	10A5	Nguyễn Trang	Ly	30/03/2003	Nữ	24	102,665	
785	10A2	Nguyễn Thị Minh	Lý	05/05/2003	Nữ	24	102,661	
786	12A5	Đào Thị Diệu	Mai	19/05/2001	Nữ	13	120,245	
787	10A10	Đào Thị Kiều	Mai	11/01/2003	Nữ	7	102,129	
788	10A9	Nguyễn Ngọc	Mai	11/03/2003	Nữ	7	102,131	
789	12A1	Nguyễn Lê Nhật	Mai	29/09/2001	Nữ	13	120,246	
790	10A5	Bach Phương	Mai	25/06/2003	Nữ	24	102,667	
791	10A6	Bùi Thị	Mai	14/10/2003	Nữ	24	102,669	
792	12A9	Huỳnh Thị	Mai	29/04/2001	Nữ	13	120,247	
793	12A11	Lê Thị	Mai	21/06/2001	Nữ	13	120,248	
794	10A9	Lê Thị	Mai	03/02/2003	Nữ	7	102,133	
795	12A11	Nguyễn Thị	Mai	10/02/2001	Nữ	13	120,249	
796	10A12	Nguyễn Thị	Mai	13/11/2003	Nữ	25	102,671	
797	10A11	Quách Thị Tuyết	Mai	01/05/2003	Nữ	25	102,673	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
798	10A8	Nguyễn Bá	Mạnh	16/10/2003	Nam	25	102,675	
799	11A5	Lưu Duy	Mạnh	25/12/2002	Nam	24	111,652	
800	12A4	Nguyễn Đình	Mạnh	23/12/2001	Nam	13	120,250	
801	11A10	Hoàng Đức	Mạnh	23/04/2002	Nam	6	111,152	
802	11A3	Nguyễn Đức	Mạnh	09/06/2002	Nam	6	111,154	
803	10A4	Trần Đức	Mạnh	28/09/2003	Nam	25	102,677	
804	11A8	Nguyễn Lê	Mạnh	03/02/2002	Nam	24	111,654	
805	10A8	Lê Quang	Mạnh	29/11/2003	Nam	25	102,679	
806	11A3	Lê Văn	Mạnh	04/07/2002	Nam	6	111,156	
807	11A2	Mai Văn	Mạnh	16/10/2002	Nam	24	111,656	
808	10A1	Phạm Văn	Mạnh	07/01/2003	Nam	7	102,135	
809	10A12	Nghiêm Thị Ngọc	Mây	10/09/2003	Nữ	25	102,681	
810	11A7	Phan Thị	Mây	06/10/2002	Nữ	24	111,658	
811	11A6	Trần Thị	Mây	27/08/2002	Nữ	24	111,660	
812	12A12	Đào Thị Trà	Mi	18/05/2001	Nữ	13	120,251	
813	10A2	Nguyễn Đăng	Minh	12/03/2003	Nam	25	102,683	
814	11A5	Nguyễn Đình	Minh	23/09/2002	Nam	24	111,662	
815	10A4	Nguyễn Đức	Minh	06/05/2003	Nam	25	102,685	
816	10A3	Nguyễn Đức	Minh	14/06/2003	Nam	25	102,687	
817	10A8	Lê Thị Hiền	Minh	13/08/2003	Nữ	25	102,689	
818	10A3	Nguyễn Thị Hồng	Minh	19/04/2003	Nữ	25	102,691	
819	12A9	Nguyễn Huy	Minh	11/01/2001	Nam	13	120,252	
820	11A8	Nguyễn Huy	Minh	09/03/2002	Nam	25	111,664	
821	12A5	Lê Hữu	Minh	16/12/2001	Nam	13	120,253	
822	12A6	Nguyễn Ngọc	Minh	31/01/2001	Nữ	13	120,254	
823	10A6	Nguyễn Thị	Minh	30/08/2003	Nữ	25	102,693	
824	11A8	Đào Tuấn	Minh	15/08/2002	Nam	25	111,666	
825	10A1	Nguyễn Văn	Mừng	20/01/2003	Nam	7	102,137	
826	11A9	Nguyễn Thị Chà	My	19/03/2002	Nữ	6	111,158	
827	12A9	Nguyễn Thị Huyền	My	18/09/2001	Nữ	13	120,255	
828	12A1	Mai Thị	My	06/04/2001	Nữ	13	120,256	
829	12A12	Đỗ Trà	My	13/04/2001	Nữ	13	120,257	
830	12A2	Nguyễn Trà	My	24/05/2001	Nữ	13	120,258	
831	11A5	Nguyễn Trà	My	01/11/2002	Nữ	25	111,668	
832	10A9	Quách Trà	My	23/11/2003	Nữ	7	102,139	
833	12A5	Đào Thị Trà	My	27/09/2001	Nữ	13	120,259	
834	10A9	Hoàng Thị Trà	My	14/06/2003	Nữ	7	102,141	
835	12A3	Nguyễn Thị Trà	My	28/07/2001	Nữ	13	120,260	
836	12A12	Phạm Thị Trà	My	16/09/2001	Nữ	14	120,261	
837	11A10	Phạm Thị Trà	My	04/12/2002	Nữ	6	111,160	
838	11A5	Trần Thị Trà	My	01/03/2002	Nữ	25	111,670	
839	11A3	Vũ Thị Trà	My	27/05/2002	Nữ	6	111,162	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
840	11A1	Nguyễn Thị Ly	Mỹ	14/04/2002	Nữ	6	111,164	
841	10A3	Nguyễn Thị	Mỹ	28/11/2003	Nữ	25	102,695	
842	12A11	Nguyễn Thị Vi	Na	29/07/2001	Nữ	14	120,262	
843	12A7	Bùi Duy	Nam	08/07/2001	Nam	14	120,264	
844	12A5	Lê Dung	Nam	29/05/2001	Nam	14	120,263	
845	12A3	Nguyễn Đình	Nam	28/04/2001	Nam	14	120,265	
846	11A5	Nguyễn Đình	Nam	03/11/2002	Nam	25	111,672	
847	10A4	Phạm Đức	Nam	27/10/2003	Nam	25	102,697	
848	10A5	Nguyễn Gia	Nam	10/08/2003	Nam	25	102,699	
849	12A10	Nguyễn Hải	Nam	03/03/2001	Nam	14	120,266	
850	10A2	Trương Nguyễn Hoài	Nam	12/07/2003	Nam	26	102,703	
851	10A6	Quách Hoài	Nam	18/02/2003	Nam	25	102,701	
852	10A4	Hồ Hữu	Nam	08/08/2003	Nam	26	102,705	
853	10A8	Mai Nhất	Nam	15/10/2003	Nam	26	102,707	
854	12A8	Lê Phương	Nam	13/12/2001	Nam	14	120,267	
855	10A8	Nguyễn Quý	Nam	07/03/2003	Nam	26	102,709	
856	10A2	Nguyễn Trọng	Nam	03/12/2003	Nam	26	102,711	
857	10A8	Bùi Văn	Nam	21/01/2003	Nam	26	102,713	
858	12A10	Nguyễn Văn	Nam	20/01/2000	Nam	14	120,268	
859	12A10	Nguyễn Văn	Nam	26/10/2000	Nam	14	120,269	
860	12A6	Nguyễn Văn	Nam	10/02/2001	Nam	14	120,270	
861	11A3	Nguyễn Thị Hồng	Nụ	24/09/2002	Nữ	8	111,208	
862	10A3	Nguyễn Thị Huyền	Nga	10/11/2003	Nữ	26	102,715	
863	10A4	Mai Thị Nguyệt	Nga	09/08/2003	Nữ	26	102,717	
864	10A11	Nguyễn Thị Phương	Nga	13/08/2003	Nữ	26	102,719	
865	10A5	Lê Quỳnh	Nga	06/02/2003	Nữ	26	102,721	
866	12A8	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	07/12/2001	Nữ	14	120,271	
867	10A2	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	07/01/2003	Nữ	26	102,723	
868	11A10	Đỗ Thị	Nga	26/05/2002	Nữ	7	111,166	
869	10A11	Huỳnh Thị	Nga	19/11/2003	Nữ	26	102,725	
870	10A10	Lê Thị	Nga	17/07/2003	Nữ	7	102,143	
871	11A10	Nguyễn Thị	Nga	21/04/2002	Nữ	7	111,168	
872	11A12	Nguyễn Thị	Nga	26/04/2002	Nữ	25	111,674	
873	10A9	Phạm Thị	Nga	01/01/2003	Nữ	7	102,145	
874	11A10	Vũ Thị	Nga	05/05/2002	Nữ	7	111,170	
875	11A1	Nguyễn Thu	Nga	03/01/2002	Nữ	7	111,172	
876	11A1	Nguyễn Thị Thu	Nga	06/10/2002	Nữ	7	111,174	
877	11A11	Trần Thị Thuý	Nga	02/12/2002	Nữ	25	111,676	
878	10A10	Lương Thị Thúy	Nga	04/09/2003	Nữ	8	102,147	
879	12A8	Nguyễn Thị Thúy	Nga	19/11/2001	Nữ	14	120,272	
880	10A7	Trần Thúy	Nga	07/02/2003	Nữ	26	102,727	
881	12A11	Lê Thị Hồng	Ngát	15/08/2001	Nữ	14	120,273	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
882	12A7	Phạm Thị	Ngát	09/08/2001	Nữ	14	120,274	
883	12A10	Đỗ Hải	Ngân	10/08/2001	Nữ	14	120,275	
884	11A11	Trần Lê Hạnh	Ngân	01/08/2002	Nữ	25	111,678	
885	10A10	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/01/2003	Nữ	8	102,149	
886	10A2	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/08/2003	Nữ	26	102,729	
887	10A7	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/08/2003	Nữ	26	102,731	
888	11A1	Nguyễn Phương	Ngân	23/10/2002	Nữ	7	111,176	
889	10A1	Lê Thanh	Ngân	04/01/2003	Nữ	8	102,151	
890	11A1	Phạm Thị Thanh	Ngân	05/11/2002	Nữ	7	111,178	
891	10A9	Nguyễn Thu	Ngân	31/10/2003	Nữ	8	102,153	
892	10A10	Trần Thu	Ngân	18/12/2003	Nữ	8	102,155	
893	10A7	Lê Thị Thúy	Ngân	07/10/2003	Nữ	26	102,733	
894	11A2	Quách Thị Thúy	Ngân	09/02/2002	Nữ	25	111,680	
895	10A10	Trần Thúy	Ngân	03/07/2003	Nữ	8	102,157	
896	10A1	Quách Thị Tú	Ngân	26/10/2003	Nữ	8	102,159	
897	12A10	Trần Đại	Nghĩa	09/12/2001	Nam	14	120,276	
898	10A4	Hoàng Trọng	Nghĩa	24/02/2003	Nam	27	102,735	
899	11A3	Nguyễn Bảo	Ngọc	23/05/2002	Nam	7	111,180	
900	11A3	Nguyễn Bích	Ngọc	29/11/2002	Nữ	7	111,182	
901	10A12	Nguyễn Bích	Ngọc	02/09/2003	Nữ	27	102,737	
902	12A9	Tạ Bích	Ngọc	17/03/2001	Nữ	14	120,277	
903	11A9	Hoàng Thị Bích	Ngọc	06/11/2002	Nữ	7	111,184	
904	12A7	Lê Thị Bích	Ngọc	17/11/2001	Nữ	14	120,278	
905	11A6	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/09/2002	Nữ	25	111,682	
906	10A10	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/03/2003	Nữ	8	102,161	
907	10A12	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/08/2003	Nữ	27	102,739	
908	12A12	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	23/09/2001	Nữ	14	120,279	
909	10A9	Ngô Hồng	Ngọc	10/06/2003	Nữ	8	102,163	
910	12A4	Nguyễn Hồng	Ngọc	01/09/2001	Nữ	14	120,280	
911	10A5	Lê Thị Hồng	Ngọc	22/02/2003	Nữ	27	102,741	
912	12A2	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	16/02/2001	Nữ	15	120,281	
913	11A2	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	09/12/2002	Nữ	25	111,684	
914	10A11	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/08/2003	Nữ	27	102,743	
915	11A9	Lưu Thị Huyền	Ngọc	06/06/2002	Nữ	7	111,186	
916	10A9	Nguyễn Như	Ngọc	18/01/2003	Nữ	8	102,165	
917	12A2	Quách Như	Ngọc	11/03/2001	Nữ	15	120,282	
918	12A9	Lê Thị Như	Ngọc	30/03/2001	Nữ	15	120,283	
919	10A1	Lê Thị	Ngọc	24/11/2003	Nữ	8	102,167	
920	11A10	Lưu Thị	Ngọc	01/07/2002	Nữ	7	111,188	
921	12A10	Nguyễn Thị	Ngọc	21/01/2001	Nữ	15	120,284	
922	12A6	Nguyễn Thị	Ngọc	03/02/2001	Nữ	15	120,285	
923	11A10	Nguyễn Thị	Ngọc	04/09/2002	Nữ	7	111,190	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
924	10A9	Nguyễn Thị	Ngọc	26/10/2003	Nữ	8	102,169	
925	10A8	Nguyễn Thị	Ngọc	03/11/2003	Nữ	27	102,745	
926	11A10	Phạm Thị	Ngọc	06/06/2002	Nữ	7	111,192	
927	11A6	Phạm Thị	Ngọc	23/12/2002	Nữ	25	111,686	
928	12A8	Vương Thị	Ngọc	23/08/2001	Nữ	15	120,286	
929	11A12	Lưu Thảo	Nguyễn	06/07/2002	Nữ	25	111,688	
930	12A12	Nguyễn Thảo	Nguyễn	28/06/2001	Nữ	15	120,287	
931	10A9	Trần Thảo	Nguyễn	14/11/2003	Nữ	8	102,171	
932	10A11	Đào Ánh	Nguyễn	04/02/2003	Nữ	27	102,747	
933	10A12	Phạm Ánh	Nguyễn	16/04/2003	Nữ	27	102,749	
934	11A2	Lê Minh	Nguyễn	01/01/2002	Nữ	26	111,690	
935	10A11	Lê Minh	Nguyễn	01/09/2003	Nữ	27	102,751	
936	12A12	Lê Thị	Nguyễn	20/04/2001	Nữ	15	120,288	
937	10A6	Phạm Thị	Nguyễn	20/11/2003	Nữ	27	102,753	
938	10A8	Nguyễn Thị	Nhàn	07/12/2003	Nữ	27	102,755	
939	11A4	Đỗ Minh	Nhâm	25/02/2002	Nam	26	111,692	
940	12A4	Hoàng Đức	Nhân	10/08/2001	Nam	15	120,289	
941	11A10	Vũ Nam	Nhân	01/01/2002	Nữ	7	111,194	
942	12A3	Nguyễn Trọng	Nhân	24/10/2001	Nam	15	120,290	
943	10A5	Nguyễn Xuân	Nhân	28/01/2003	Nam	27	102,757	
944	11A12	Nguyễn Đức	Nhật	07/11/2002	Nam	26	111,694	
945	10A7	Nguyễn Long	Nhật	15/06/2003	Nam	27	102,759	
946	10A8	Nguyễn Ngọc Ánh	Nhi	06/10/2003	Nữ	27	102,761	
947	10A9	Lê Bình	Nhi	14/05/2003	Nữ	9	102,173	
948	11A10	Nguyễn Linh	Nhi	04/08/2002	Nữ	7	111,196	
949	11A2	Nguyễn Ngọc	Nhi	08/05/2002	Nữ	26	111,696	
950	11A6	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	06/06/2002	Nữ	26	111,698	
951	11A10	Nguyễn Quỳnh	Nhi	22/02/2002	Nữ	8	111,198	
952	10A4	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	24/09/2003	Nữ	27	102,763	
953	11A3	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	29/11/2002	Nữ	8	111,200	
954	12A8	Nguyễn Hồng	Nhung	20/08/2001	Nữ	15	120,291	
955	11A6	Nguyễn Hồng	Nhung	10/02/2002	Nữ	26	111,700	
956	11A8	Nguyễn Hồng	Nhung	26/02/2002	Nữ	26	111,702	
957	12A9	Đào Thị Hồng	Nhung	11/04/2001	Nữ	15	120,292	
958	12A11	Lê Thị Hồng	Nhung	31/01/2001	Nữ	15	120,293	
959	11A11	Lê Thị Hồng	Nhung	21/10/2002	Nữ	26	111,704	
960	12A2	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/01/2001	Nữ	15	120,294	
961	11A12	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/11/2002	Nữ	26	111,706	
962	11A11	Nguyễn Khánh	Nhung	04/12/2002	Nữ	26	111,708	
963	12A12	Đỗ Thị	Nhung	03/03/2001	Nữ	15	120,295	
964	11A6	Đỗ Thị	Nhung	26/08/2002	Nữ	26	111,710	
965	11A11	Hoàng Thị	Nhung	07/12/2002	Nữ	26	111,712	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
966	12A12	Lê Thị	Nhung	19/03/2001	Nữ	15	120,296	
967	11A2	Lê Thị	Nhung	02/02/2002	Nữ	26	111,714	
968	11A9	Nguyễn Thị	Nhung	11/11/2002	Nữ	8	111,202	
969	10A12	Nguyễn Thị	Nhung	04/03/2003	Nữ	27	102,765	
970	10A10	Nguyễn Thị	Nhung	16/06/2003	Nữ	9	102,175	
971	11A10	Phạm Thị	Nhung	13/06/2002	Nữ	8	111,204	
972	11A11	Nguyễn Thùy	Nhung	11/11/2002	Nữ	27	111,716	
973	10A5	Phạm Thị Tuyết	Nhung	07/04/2003	Nữ	28	102,767	
974	11A10	Trần Thị Ngọc	Như	26/04/2002	Nữ	8	111,206	
975	11A2	Hoàng Tố	Như	24/01/2002	Nữ	27	111,718	
976	12A4	Nguyễn Thị Mai	Nương	23/04/2001	Nữ	15	120,297	
977	11A11	Nguyễn Thị	Nương	30/06/2002	Nữ	27	111,720	
978	10A8	Lê Thị Kiều	Oanh	19/11/2003	Nữ	28	102,769	
979	11A12	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	22/08/2002	Nữ	27	111,722	
980	11A8	Đào Thị	Oanh	10/12/2002	Nữ	27	111,724	
981	12A8	Lưu Thị	Oanh	16/08/2001	Nữ	15	120,298	
982	12A10	Nguyễn Thị	Oanh	07/11/2000	Nữ	15	120,299	
983	12A2	Phan Thị	Oanh	09/09/2001	Nữ	15	120,300	
984	10A11	Trần Thị	Oanh	05/08/2003	Nữ	28	102,771	
985	10A1	Lê Thế	Phát	25/10/2003	Nam	9	102,177	
986	11A4	Nguyễn Trọng	Phát	16/08/2002	Nam	27	111,726	
987	12A10	Nguyễn Tuấn	Phấn	23/06/2001	Nam	16	120,301	
988	10A2	Nguyễn Mai	Phong	22/09/2003	Nam	28	102,773	
989	10A2	Nguyễn Nam	Phong	25/02/2003	Nam	28	102,775	
990	11A3	Lê Thanh	Phong	24/12/2002	Nam	8	111,210	
991	11A1	Nguyễn Hợp	Phú	24/01/2002	Nam	8	111,212	
992	12A8	Nguyễn Thị	Phú	22/01/2001	Nữ	16	120,302	
993	10A5	Phan Xuân	Phú	05/08/2003	Nam	28	102,777	
994	12A2	Mai Gia	Phúc	22/08/2001	Nam	16	120,303	
995	11A8	Lê Trần Hồng	Phúc	14/08/2002	Nam	27	111,728	
996	10A3	Vũ Minh	Phúc	15/06/2003	Nữ	28	102,779	
997	11A7	Hoàng Thị	Phúc	01/10/2002	Nữ	27	111,730	
998	10A4	Lê Văn	Phúc	13/02/2003	Nam	28	102,781	
999	10A5	Lê Thị Hà	Phương	26/09/2003	Nữ	28	102,783	
1000	11A9	Nguyễn Thị Hà	Phương	11/12/2002	Nữ	8	111,214	
1001	11A11	Lê Hoài	Phương	30/12/2002	Nữ	27	111,732	
1002	12A7	Nguyễn Hữu	Phương	13/12/2001	Nam	16	120,304	
1003	11A9	Nguyễn Lan	Phương	08/03/2002	Nữ	8	111,216	
1004	10A2	Lê Thanh	Phương	01/02/2003	Nữ	28	102,785	
1005	11A9	Nguyễn Thị Thanh	Phương	10/06/2002	Nữ	8	111,218	
1006	12A10	Đỗ Thị	Phương	18/04/2001	Nữ	16	120,305	
1007	10A5	Nghiêm Thị	Phương	12/07/2003	Nữ	28	102,787	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1008	12A11	Phạm Thị	Phương	03/12/2001	Nữ	16	120,306	
1009	12A2	Lê Thu	Phương	21/12/2001	Nữ	16	120,307	
1010	10A11	Lương Thu	Phương	16/09/2003	Nữ	28	102,789	
1011	12A1	Nguyễn Thu	Phương	20/05/2001	Nữ	16	120,308	
1012	12A11	Nguyễn Thu	Phương	25/09/2001	Nữ	16	120,309	
1013	11A7	Nguyễn Thu	Phương	13/02/2002	Nữ	27	111,734	
1014	10A5	Nguyễn Thu	Phương	19/06/2003	Nữ	28	102,791	
1015	10A9	Phạm Thu	Phương	27/07/2003	Nữ	9	102,179	
1016	11A10	Lê Thị Thu	Phương	05/12/2002	Nữ	8	111,220	
1017	10A12	Mai Thị Thu	Phương	22/12/2003	Nữ	28	102,793	
1018	12A5	Vũ Thị Thu	Phương	24/03/2001	Nữ	16	120,310	
1019	12A9	Vũ Thị Thu	Phương	19/10/2001	Nữ	16	120,311	
1020	12A2	Nguyễn Thị Bích	Phượng	22/05/2001	Nữ	16	120,312	
1021	11A8	Chu Thị	Phượng	07/05/2002	Nữ	27	111,736	
1022	11A10	Nguyễn Thị	Phượng	22/02/2002	Nữ	8	111,222	
1023	12A10	Phạm Thị	Phượng	06/12/2000	Nữ	16	120,313	
1024	10A12	Phạm Thị	Phượng	21/11/2003	Nữ	28	102,795	
1025	11A5	Nguyễn Bá	Quang	11/11/2002	Nam	27	111,738	
1026	10A2	Nguyễn Dương	Quang	16/07/2003	Nam	28	102,797	
1027	10A9	Lê Đức	Quang	18/03/2002	Nam	9	102,181	
1028	10A4	Nguyễn Đức	Quang	20/10/2003	Nam	29	102,799	
1029	12A3	Lê Minh	Quang	08/09/2001	Nam	16	120,314	
1030	11A8	Nguyễn Minh	Quang	04/01/2002	Nam	27	111,740	
1031	12A11	Nguyễn Thế	Quang	17/07/2001	Nam	16	120,315	
1032	11A7	Lê Văn	Quang	26/04/2002	Nam	28	111,742	
1033	12A5	Nguyễn Xuân	Quang	25/02/2001	Nam	16	120,316	
1034	11A7	Phạm Xuân	Quang	28/09/2002	Nam	28	111,744	
1035	12A10	Lương Anh	Quân	20/07/2001	Nam	16	120,317	
1036	10A4	Tô Anh	Quân	28/06/2003	Nam	29	102,801	
1037	11A7	Trần Anh	Quân	26/10/2002	Nam	28	111,746	
1038	11A11	Quách Đức	Quân	15/07/2002	Nam	28	111,748	
1039	10A4	Đỗ Hồng	Quân	06/08/2003	Nam	29	102,803	
1040	11A1	Hoàng Minh	Quân	08/07/2002	Nam	8	111,224	
1041	12A4	Đào Quang Minh	Quân	25/03/2001	Nam	16	120,318	
1042	10A3	Hoàng Văn	Quân	14/06/2003	Nam	29	102,805	
1043	10A11	Lê Văn	Quân	14/09/2003	Nam	29	102,807	
1044	12A3	Nguyễn Thị	Quyên	14/02/2001	Nữ	16	120,319	
1045	12A12	Quách Thị	Quyên	02/07/2001	Nữ	16	120,320	
1046	10A10	Mai Thu	Quyên	04/02/2003	Nữ	9	102,185	
1047	12A12	Nguyễn Thị Tú	Quyên	02/12/2001	Nữ	17	120,321	
1048	12A11	Đào Diệu	Quyên	15/03/2001	Nam	17	120,329	
1049	11A12	Bùi Văn	Quyên	28/03/2002	Nam	28	111,760	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1050	10A8	Lê Văn	Quyền	04/03/2003	Nam	29	102,823	
1051	12A5	Trịnh Văn	Quyền	06/10/2001	Nam	17	120,330	
1052	10A3	Đỗ Văn	Quyền	25/12/2003	Nam	29	102,821	
1053	12A5	Nguyễn Huy	Quyết	08/03/2001	Nam	17	120,331	
1054	11A4	Lê Vũ	Quyền	15/05/2002	Nam	28	111,762	
1055	11A3	Hoàng Diễm	Quỳnh	17/05/2002	Nữ	8	111,226	
1056	11A2	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	30/07/2002	Nữ	28	111,750	
1057	11A1	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	30/07/2002	Nữ	8	111,228	
1058	10A10	Đào Hương	Quỳnh	14/01/2003	Nữ	9	102,187	
1059	10A12	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	05/02/2003	Nữ	29	102,813	
1060	12A6	Đỗ Như	Quỳnh	22/01/2001	Nữ	17	120,322	
1061	11A11	Hà Như	Quỳnh	02/11/2002	Nữ	28	111,752	
1062	10A2	Lê Như	Quỳnh	21/12/2003	Nữ	29	102,815	
1063	10A2	Nguyễn Như	Quỳnh	03/05/2003	Nữ	29	102,817	
1064	10A3	Nguyễn Như	Quỳnh	15/12/2003	Nữ	29	102,819	
1065	10A10	Phạm Như	Quỳnh	12/12/2003	Nữ	9	102,189	
1066	12A3	Đào Thị Như	Quỳnh	03/10/2001	Nữ	17	120,323	
1067	11A11	Lê Thị Như	Quỳnh	17/12/2001	Nữ	28	111,754	
1068	12A9	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	31/07/2001	Nữ	17	120,324	
1069	10A10	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/12/2002	Nữ	9	102,191	
1070	11A10	Đỗ Thị	Quỳnh	07/06/2002	Nữ	9	111,230	
1071	12A3	Lê Thị	Quỳnh	25/09/2001	Nữ	17	120,325	
1072	10A1	Lê Thị	Quỳnh	11/04/2003	Nữ	9	102,193	
1073	12A6	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/03/2001	Nữ	17	120,326	
1074	12A2	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/08/2001	Nữ	17	120,327	
1075	11A7	Nguyễn Thị	Quỳnh	11/02/2002	Nữ	28	111,756	
1076	10A10	Nguyễn Thị	Quỳnh	28/06/2003	Nữ	9	102,195	
1077	11A6	Lê Thu	Quỳnh	03/01/2002	Nữ	28	111,758	
1078	12A10	Huỳnh Thị Thu	Quỳnh	17/01/2001	Nữ	17	120,328	
1079	10A5	Nguyễn Thị Hồng	Quý	10/02/2003	Nữ	29	102,809	
1080	10A1	Lâm Thị Kim	Quý	27/10/2003	Nữ	9	102,183	
1081	10A3	Nguyễn Ngọc	Quý	24/03/2003	Nam	29	102,811	
1082	11A6	Nguyễn Thị	Sang	19/11/2002	Nữ	28	111,764	
1083	12A5	Nguyễn Văn	Sâm	02/02/2001	Nam	17	120,332	
1084	11A4	Đào Quang	Sinh	12/06/2002	Nam	28	111,766	
1085	10A8	Phạm Bá	Son	15/12/2003	Nam	29	102,825	
1086	11A8	Vũ Bá	Son	20/03/2002	Nam	29	111,768	
1087	11A2	Ngô Công	Son	12/02/2002	Nam	29	111,770	
1088	10A1	Vũ Đình	Son	27/06/2003	Nam	9	102,197	
1089	10A7	Quách Đức	Son	22/11/2003	Nam	29	102,827	
1090	11A9	Lê Hoài	Son	16/03/2002	Nam	9	111,232	
1091	11A8	Đỗ Hoàng	Son	14/07/2002	Nam	29	111,772	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1092	12A3	Nguyễn Hồng	Son	19/07/2001	Nam	17	120,333	
1093	12A11	Phạm Hồng	Son	21/09/2001	Nam	17	120,334	
1094	11A6	Quách Hùng	Son	24/07/2002	Nam	29	111,774	
1095	10A9	Nguyễn Hà Minh	Son	03/09/2003	Nam	10	102,199	
1096	12A9	Nguyễn Minh	Son	03/03/2001	Nam	17	120,335	
1097	12A1	Nguyễn Năng	Son	01/03/2001	Nam	17	120,336	
1098	10A4	Nguyễn Tiến	Son	02/01/2003	Nam	29	102,829	
1099	10A3	Nguyễn Ngọc Trường	Son	06/10/2003	Nam	30	102,831	
1100	10A10	Nguyễn Đăng Tuấn	Son	24/11/2003	Nam	10	102,201	
1101	12A7	Nguyễn Văn	Son	06/05/2001	Nam	17	120,337	
1102	10A6	Quách Văn	Son	23/06/2003	Nam	30	102,833	
1103	12A6	Vũ Bá	Sức	18/07/2001	Nam	17	120,338	
1104	10A12	Nguyễn Chí	Tài	15/11/2003	Nam	30	102,835	
1105	10A4	Nguyễn Tiến	Tài	19/10/2003	Nam	30	102,837	
1106	11A7	Lê Văn	Tài	28/06/2002	Nam	29	111,776	
1107	12A4	Phạm Văn	Tài	20/12/2001	Nam	17	120,339	
1108	11A6	Trần Văn	Tài	22/07/2002	Nam	29	111,778	
1109	12A8	Lê Hiền	Tâm	04/11/2001	Nữ	17	120,340	
1110	10A12	Lê Mỹ	Tâm	30/05/2003	Nữ	30	102,839	
1111	10A10	Nguyễn Mỹ	Tâm	05/03/2003	Nữ	10	102,203	
1112	11A9	Bùi Thị Thanh	Tâm	15/09/2002	Nữ	9	111,234	
1113	11A5	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/08/2002	Nữ	29	111,780	
1114	11A5	Trần Thị	Tâm	31/10/2002	Nữ	29	111,782	
1115	12A4	Nguyễn Chí	Tân	06/05/2001	Nam	18	120,341	
1116	12A4	Trần Hữu	Tân	02/06/2001	Nam	18	120,342	
1117	10A4	Nguyễn Hữu	Tân	23/03/2003	Nam	30	102,841	
1118	10A6	Trần Văn Quốc	Tân	18/08/2003	Nam	30	102,843	
1119	12A4	Lê Trọng	Tân	17/03/2001	Nam	18	120,343	
1120	11A1	Nguyễn Trọng	Tân	30/01/2002	Nam	9	111,236	
1121	11A5	Lưu Văn	Tân	23/03/2002	Nam	29	111,784	
1122	10A9	Nguyễn Hải	Thanh	27/09/2003	Nữ	10	102,205	
1123	11A9	Ngô Huyền	Thanh	30/05/2002	Nữ	9	111,238	
1124	10A5	Mai Phương	Thanh	26/10/2003	Nữ	30	102,849	
1125	10A11	Nguyễn Phương	Thanh	21/01/2003	Nữ	30	102,851	
1126	12A12	Lê Thị Phương	Thanh	18/05/2001	Nữ	18	120,345	
1127	12A9	Trần Thanh	Thanh	18/04/2001	Nữ	18	120,346	
1128	11A8	Lê Thị	Thanh	14/03/2002	Nữ	29	111,790	
1129	11A10	Nguyễn Thị	Thanh	26/11/2002	Nữ	9	111,240	
1130	12A4	Lê Văn	Thanh	10/09/2001	Nam	18	120,347	
1131	11A12	Trần Văn	Thanh	11/11/2002	Nam	29	111,792	
1132	12A5	Bùi Xuân	Thanh	12/10/2001	Nam	18	120,348	
1133	12A1	Hoàng Thị Phương	Thao	26/03/2001	Nữ	18	120,356	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1134	12A1	Nguyễn Đình	Thành	02/02/2001	Nam	18	120,349	
1135	12A7	Nguyễn Đức	Thành	23/10/2001	Nam	18	120,350	
1136	11A3	Nguyễn Đức	Thành	03/06/2002	Nam	9	111,242	
1137	10A8	Lê Minh	Thành	19/01/2003	Nam	30	102,853	
1138	11A10	Nguyễn Thị Mỹ	Thành	23/03/2002	Nữ	9	111,244	
1139	11A3	Nguyễn Phi	Thành	05/02/2002	Nam	9	111,246	
1140	12A5	Đào Quang	Thành	23/10/2001	Nam	18	120,351	
1141	12A2	Nguyễn Thái	Thành	05/03/2001	Nam	18	120,352	
1142	10A2	Nguyễn Thị	Thành	07/10/2003	Nữ	30	102,855	
1143	12A2	Nguyễn Trường	Thành	17/04/2001	Nam	18	120,353	
1144	12A4	Vũ Văn	Thành	13/02/2001	Nam	18	120,354	
1145	12A3	Lê Xuân	Thành	20/07/2001	Nam	18	120,355	
1146	10A1	Nguyễn Xuân	Thành	27/11/2003	Nam	10	102,207	
1147	11A11	Nguyễn Thị Bích	Thảo	07/08/2002	Nữ	30	111,794	
1148	12A8	Phạm Thị Bích	Thảo	17/02/2001	Nữ	18	120,357	
1149	10A1	Nguyễn Hương	Thảo	08/12/2003	Nữ	10	102,209	
1150	11A6	Lê Thị Minh	Thảo	05/09/2002	Nữ	30	111,796	
1151	11A3	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	04/02/2002	Nữ	9	111,248	
1152	11A4	Hoàng Phương	Thảo	15/09/2002	Nữ	30	111,798	
1153	11A10	Lê Phương	Thảo	03/06/2002	Nữ	9	111,250	
1154	10A1	Lê Phương	Thảo	09/01/2003	Nữ	10	102,211	
1155	10A2	Lê Phương	Thảo	15/04/2003	Nữ	30	102,857	
1156	10A8	Lê Phương	Thảo	29/06/2003	Nữ	30	102,859	
1157	12A6	Nguyễn Phương	Thảo	30/01/2001	Nữ	18	120,358	
1158	12A10	Phạm Phương	Thảo	29/01/2001	Nữ	18	120,359	
1159	12A8	Phạm Phương	Thảo	23/12/2001	Nữ	18	120,360	
1160	11A10	Phạm Phương	Thảo	16/02/2002	Nữ	9	111,252	
1161	11A5	Lê Thị Phương	Thảo	17/08/2002	Nữ	30	111,800	
1162	12A8	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/03/2001	Nữ	19	120,361	
1163	12A12	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/11/2001	Nữ	19	120,362	
1164	11A11	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/12/2002	Nữ	30	111,802	
1165	10A9	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/08/2003	Nữ	10	102,213	
1166	10A11	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/10/2003	Nữ	30	102,861	
1167	11A4	Quách Thị Phương	Thảo	05/11/2001	Nữ	30	111,804	
1168	12A11	Nguyễn Thanh	Thảo	22/09/2001	Nữ	19	120,363	
1169	10A4	Lê Thị Thanh	Thảo	03/12/2003	Nữ	31	102,863	
1170	10A12	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/09/2003	Nữ	31	102,865	
1171	11A5	Phạm Thị Thanh	Thảo	14/09/2002	Nữ	30	111,806	
1172	10A9	Trần Thanh	Thảo	14/10/2003	Nữ	10	102,215	
1173	11A2	Đào Thị	Thảo	25/05/2002	Nữ	30	111,808	
1174	11A2	Đào Thị	Thảo	17/06/2002	Nữ	30	111,810	
1175	12A4	Đỗ Thị	Thảo	17/03/2001	Nữ	19	120,364	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1176	10A7	Lê Thị	Thảo	01/10/2003	Nữ	31	102,867	
1177	10A10	Lê Thị	Thảo	03/10/2003	Nữ	10	102,217	
1178	10A9	Lương Thị	Thảo	23/04/2003	Nữ	10	102,219	
1179	11A9	Lưu Thị	Thảo	15/01/2002	Nữ	9	111,254	
1180	12A11	Nguyễn Thị	Thảo	19/09/2000	Nữ	19	120,365	
1181	12A9	Nguyễn Thị	Thảo	07/06/2001	Nữ	19	120,366	
1182	12A8	Nguyễn Thị	Thảo	07/12/2001	Nữ	19	120,367	
1183	10A12	Nguyễn Thị	Thảo	17/04/2003	Nữ	31	102,869	
1184	12A3	Phạm Thị	Thảo	16/03/2001	Nữ	19	120,368	
1185	10A2	Phạm Thị	Thảo	11/06/2003	Nữ	31	102,871	
1186	12A3	Quách Thị	Thảo	01/05/2001	Nữ	19	120,369	
1187	12A11	Vũ Thị	Thảo	07/05/2001	Nữ	19	120,370	
1188	12A1	Nguyễn Thu	Thảo	15/04/2001	Nữ	19	120,371	
1189	10A12	Nguyễn Thu	Thảo	05/11/2003	Nữ	31	102,873	
1190	12A8	Đào Thị Thu	Thảo	12/10/2001	Nữ	19	120,372	
1191	12A1	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/01/2001	Nữ	19	120,373	
1192	11A7	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/09/2002	Nữ	30	111,812	
1193	11A4	Nguyễn Quốc	Thái	20/07/2002	Nam	29	111,786	
1194	10A4	Nguyễn Tiến	Thái	09/09/2002	Nam	30	102,845	
1195	11A5	Nguyễn Trọng	Thái	09/10/2002	Nam	29	111,788	
1196	12A1	Bùi Văn	Thái	23/03/2001	Nam	18	120,344	
1197	10A3	Lê Văn	Thái	10/12/2003	Nam	30	102,847	
1198	12A6	Mai Đức	Thắng	06/06/2001	Nam	19	120,375	
1199	12A7	Lê Thị	Thắm	23/06/2001	Nữ	19	120,374	
1200	11A11	Nguyễn Thị	Thắm	23/08/2002	Nữ	30	111,814	
1201	11A12	Lê Bá	Thắng	05/07/2002	Nam	30	111,816	
1202	12A2	Lê Đại	Thắng	02/12/2001	Nam	19	120,376	
1203	10A8	Đỗ Đình	Thắng	29/09/2002	Nam	31	102,875	
1204	12A5	Nguyễn Đình	Thắng	10/12/2001	Nam	19	120,377	
1205	11A8	Nguyễn Đình	Thắng	16/11/2002	Nam	30	111,818	
1206	12A1	Mai Đức	Thắng	21/09/2001	Nam	19	120,378	
1207	11A3	Nguyễn Đức	Thắng	19/01/2002	Nam	9	111,256	
1208	11A3	Nguyễn Huy	Thắng	17/11/2002	Nam	9	111,258	
1209	12A1	Nguyễn Hữu	Thắng	24/04/2001	Nam	19	120,379	
1210	10A8	Đào Quang	Thắng	15/02/2003	Nam	31	102,877	
1211	12A5	Nguyễn Văn	Thắng	25/11/2001	Nam	19	120,380	
1212	11A4	Nguyễn Văn	Thắng	06/01/2002	Nam	31	111,820	
1213	12A2	Nguyễn Văn	Thế	02/04/2001	Nam	20	120,382	
1214	10A11	Nguyễn Thị Minh	Thị	19/07/2003	Nữ	31	102,881	
1215	10A3	Vương Minh	Thị	03/04/2003	Nam	31	102,879	
1216	11A12	Lê Bá	Thiện	18/07/2002	Nam	31	111,822	
1217	10A6	Vũ Đức	Thiện	08/05/2003	Nam	31	102,883	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1218	11A1	Lê Minh	Thiện	07/09/2002	Nam	9	111,260	
1219	11A1	Nguyễn Ngọc	Thiện	13/11/2002	Nam	10	111,262	
1220	11A5	Nguyễn Thành	Thiện	05/07/2002	Nam	31	111,824	
1221	10A5	Lê Văn	Thiện	03/03/2003	Nam	31	102,885	
1222	12A6	Nguyễn Bá	Thiệu	16/06/2001	Nam	20	120,381	
1223	12A6	Nguyễn Đắc	Thịnh	07/11/2001	Nam	20	120,386	
1224	11A3	Nguyễn Nhật Bảo	Thoa	17/01/2002	Nữ	10	111,264	
1225	11A2	Lê Thị Kim	Thoa	13/12/2002	Nữ	31	111,826	
1226	11A2	Nguyễn Thị Kim	Thoa	30/06/2002	Nữ	31	111,828	
1227	12A11	Nguyễn Thị	Thoa	26/10/2001	Nữ	20	120,384	
1228	10A11	Nguyễn Thị	Thoa	15/12/2003	Nữ	31	102,889	
1229	10A4	Đào Bá	Thọ	13/12/2003	Nam	31	102,887	
1230	12A6	Lê Đức	Thọ	07/10/2001	Nam	20	120,383	
1231	11A12	Trần Thị Anh	Thơ	08/12/2002	Nữ	31	111,830	
1232	10A11	Vũ Thị Anh	Thơ	04/11/2003	Nữ	31	102,891	
1233	12A7	Đào Thị	Thơ	30/01/2001	Nữ	20	120,385	
1234	11A2	Đỗ Thị	Thơ	02/12/2002	Nữ	31	111,832	
1235	12A2	Trần Hoài	Thu	20/12/2001	Nữ	20	120,387	
1236	12A11	Phạm Lệ	Thu	28/11/2001	Nữ	20	120,388	
1237	11A10	Lê Thị	Thu	07/12/2002	Nữ	10	111,266	
1238	11A2	Nguyễn Thị	Thu	06/08/2002	Nữ	31	111,834	
1239	10A6	Nguyễn Thị	Thu	06/01/2003	Nữ	31	102,893	
1240	12A10	Nguyễn Đăng	Thuận	02/11/2001	Nam	20	120,389	
1241	10A8	Lê Công	Thuận	26/11/2003	Nam	32	102,895	
1242	12A10	Nguyễn Đắc	Thuận	07/10/2001	Nam	20	120,390	
1243	10A12	Vương Huy	Thuận	22/07/2003	Nam	32	102,897	
1244	11A10	Lê Thị	Thùy	19/07/2002	Nữ	10	111,270	
1245	11A11	Nguyễn Thị	Thùy	19/01/2001	Nữ	31	111,838	
1246	11A8	Nguyễn Thị	Thùy	07/08/2002	Nữ	31	111,840	
1247	12A6	Lê Thị	Thủy	23/04/2001	Nữ	20	120,394	
1248	10A6	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/07/2003	Nữ	32	102,913	
1249	11A6	Nguyễn Thị Minh	Thúy	04/02/2002	Nữ	31	111,836	
1250	12A11	Bùi Thanh	Thúy	28/11/2001	Nữ	20	120,391	
1251	12A12	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	13/12/2001	Nữ	20	120,392	
1252	12A11	Đỗ Thị	Thúy	08/04/2001	Nữ	20	120,393	
1253	10A8	Lê Thị	Thúy	11/04/2003	Nữ	32	102,899	
1254	11A10	Nguyễn Thị	Thúy	25/12/2002	Nữ	10	111,268	
1255	10A11	Nguyễn Thúy	Thúy	04/04/2003	Nữ	32	102,901	
1256	10A7	Quách Đức	Thùy	24/12/2003	Nam	32	102,903	
1257	11A12	Nguyễn Thị	Thủy	24/05/2002	Nữ	32	111,846	
1258	10A2	Nguyễn Thị	Thủy	24/03/2003	Nữ	32	102,907	
1259	10A5	Trang Thị	Thủy	14/06/2003	Nữ	32	102,909	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1260	10A6	Kiều Thu	Thủy	04/05/2003	Nữ	32	102,911	
1261	11A10	Bùi Thị Thu	Thủy	08/03/2002	Nữ	10	111,272	
1262	11A12	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	27/05/2002	Nữ	32	111,848	
1263	10A3	Bùi Thị	Thúy	31/03/2003	Nữ	32	102,905	
1264	11A7	Lê Thị	Thúy	15/04/2002	Nữ	31	111,842	
1265	11A6	Phùng Thị	Thúy	07/07/2002	Nữ	32	111,844	
1266	12A10	Lê Anh	Thư	19/08/2001	Nữ	20	120,395	
1267	11A12	Thái Anh	Thư	16/05/2002	Nữ	32	111,850	
1268	12A2	Đào Thị Anh	Thư	28/10/2001	Nữ	20	120,396	
1269	12A9	Lê Thị Anh	Thư	26/12/2001	Nữ	20	120,397	
1270	10A10	Lê Thị Minh	Thư	05/11/2003	Nữ	10	102,221	
1271	12A12	Nguyễn Thị Minh	Thư	15/06/2000	Nữ	20	120,398	
1272	10A7	Nguyễn Thị Thanh	Thư	20/09/2003	Nữ	32	102,915	
1273	12A7	Bùi Thị	Thư	03/11/2000	Nữ	20	120,399	
1274	12A7	Nguyễn Thị	Thư	17/10/2001	Nữ	20	120,400	
1275	11A12	Lê Thị Mai	Thương	21/10/2002	Nữ	32	111,858	
1276	10A12	Nguyễn Như	Thương	30/10/2003	Nữ	32	102,917	
1277	11A8	Nguyễn Đình	Thực	13/11/2002	Nam	32	111,852	
1278	11A8	Quách Đức	Thực	19/01/2002	Nam	32	111,854	
1279	11A8	Lê Huy	Thực	08/08/2002	Nam	32	111,856	
1280	12A2	Cao Minh	Thực	01/05/2001	Nam	21	120,401	
1281	10A1	Lê Xuân	Thực	29/06/2003	Nam	10	102,223	
1282	11A3	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	25/01/2002	Nữ	10	111,274	
1283	10A9	Hà Thủy	Tiên	03/11/2003	Nữ	10	102,225	
1284	10A5	Đào Bá	Tiên	12/06/2003	Nam	32	102,919	
1285	12A2	Vũ Công	Tiên	03/11/2001	Nam	21	120,403	
1286	12A1	Nguyễn Đình	Tiên	31/10/2001	Nam	21	120,404	
1287	10A3	Phạm Đình	Tiên	22/05/2003	Nam	32	102,921	
1288	11A7	Nguyễn Mạnh	Tiên	27/12/2002	Nam	32	111,860	
1289	10A6	Vũ Mạnh	Tiên	18/08/2003	Nam	32	102,923	
1290	10A5	Phạm Minh	Tiên	04/12/2003	Nam	32	102,925	
1291	11A12	Lương Ngọc	Tiên	17/10/2002	Nam	32	111,862	
1292	10A1	Mai Trọng	Tiên	29/09/2003	Nam	11	102,227	
1293	12A4	Lê Văn	Tiên	28/04/2001	Nam	21	120,405	
1294	10A6	Lê Văn	Tiên	10/10/2003	Nam	33	102,927	
1295	11A5	Lương Văn	Tiên	15/05/2002	Nam	32	111,864	
1296	12A3	Nguyễn Văn	Tiên	13/04/2001	Nam	21	120,406	
1297	11A11	Nguyễn Văn	Tiên	04/11/2002	Nam	32	111,866	
1298	10A2	Quách Văn	Tiên	03/10/2003	Nam	33	102,929	
1299	11A11	Trần Văn	Tiên	23/03/2002	Nam	33	111,868	
1300	12A4	Quách Thị	Tình	27/07/2001	Nữ	21	120,402	
1301	12A1	Nguyễn Đăng	Toàn	15/07/2001	Nam	21	120,407	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1302	12A12	Nguyễn Huy	Toàn	29/12/1999	Nam	21	120,408	
1303	12A6	Nguyễn Văn	Toàn	29/12/2001	Nam	21	120,409	
1304	11A5	Hoàng Thế	Tôn	25/02/2002	Nam	33	111,870	
1305	11A9	Nguyễn Bảo	Trang	14/03/2002	Nữ	10	111,276	
1306	12A8	Đỗ Hà	Trang	25/11/2001	Nữ	21	120,411	
1307	12A8	Nguyễn Thị Hà	Trang	02/08/2001	Nữ	21	120,412	
1308	12A5	Dương Hồng	Trang	06/08/2001	Nữ	21	120,413	
1309	10A4	Lâm Huyền	Trang	22/02/2003	Nữ	33	102,933	
1310	11A6	Nguyễn Huyền	Trang	17/07/2002	Nữ	33	111,876	
1311	10A12	Đào Thị Huyền	Trang	03/11/2003	Nữ	33	102,935	
1312	11A4	Lê Thị Huyền	Trang	28/12/2002	Nữ	33	111,878	
1313	12A5	Lưu Thị Huyền	Trang	04/10/2001	Nữ	21	120,414	
1314	10A8	Mai Thị Huyền	Trang	29/12/2003	Nữ	33	102,937	
1315	12A5	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/07/2001	Nữ	21	120,415	
1316	11A12	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/01/2002	Nữ	33	111,880	
1317	11A10	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30/01/2002	Nữ	10	111,278	
1318	11A11	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/04/2002	Nữ	33	111,882	
1319	10A9	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/12/2003	Nữ	11	102,229	
1320	11A1	Phạm Thị Huyền	Trang	29/01/2002	Nữ	10	111,280	
1321	12A12	Trần Thị Huyền	Trang	30/01/2001	Nữ	21	120,416	
1322	12A1	Vũ Thị Huyền	Trang	27/09/2001	Nữ	21	120,417	
1323	10A9	Nguyễn Vũ Huyền	Trang	10/04/2003	Nữ	11	102,231	
1324	12A9	Trịnh Thị Kiều	Trang	05/10/2001	Nữ	21	120,419	
1325	12A4	Nguyễn Thị Kim	Trang	27/01/2001	Nữ	21	120,418	
1326	11A10	Lương Ngọc	Trang	23/02/2002	Nữ	10	111,282	
1327	11A1	Đỗ Thị Phương	Trang	19/01/2002	Nữ	10	111,284	
1328	11A1	Nguyễn Quỳnh	Trang	13/08/2002	Nữ	10	111,286	
1329	10A11	Dương Thị Quỳnh	Trang	22/05/2003	Nữ	33	102,939	
1330	11A1	Phạm Thanh	Trang	23/04/2002	Nữ	10	111,288	
1331	11A11	Đỗ Thị	Trang	06/10/2002	Nữ	33	111,884	
1332	11A12	Lê Thị	Trang	15/01/2002	Nữ	33	111,886	
1333	12A11	Lương Thị	Trang	21/09/2001	Nữ	21	120,420	
1334	12A1	Nghiêm Thị	Trang	09/02/2001	Nữ	22	120,421	
1335	12A2	Nguyễn Thị	Trang	26/01/2001	Nam	22	120,422	
1336	12A4	Nguyễn Thị	Trang	01/03/2001	Nữ	22	120,423	
1337	12A10	Nguyễn Thị	Trang	12/09/2001	Nữ	22	120,424	
1338	11A4	Nguyễn Thị	Trang	02/02/2002	Nữ	33	111,888	
1339	11A2	Nguyễn Thị	Trang	18/07/2002	Nữ	33	111,890	
1340	10A4	Nguyễn Thị	Trang	10/02/2003	Nữ	33	102,941	
1341	10A11	Nguyễn Thị	Trang	28/10/2003	Nữ	33	102,943	
1342	12A3	Phạm Thị	Trang	22/03/2001	Nữ	22	120,425	
1343	10A9	Vũ Thị	Trang	30/06/2003	Nữ	11	102,233	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1344	10A1	Lê Thu	Trang	30/07/2003	Nữ	11	102,235	
1345	12A11	Nguyễn Thu	Trang	22/06/2001	Nữ	22	120,426	
1346	12A3	Nguyễn Thu	Trang	08/09/2001	Nữ	22	120,427	
1347	11A5	Nguyễn Thu	Trang	23/07/2002	Nữ	34	111,892	
1348	10A6	Nguyễn Thu	Trang	14/10/2003	Nữ	33	102,945	
1349	10A10	Nguyễn Thu	Trang	22/10/2003	Nữ	11	102,237	
1350	12A9	Phạm Thu	Trang	01/02/2001	Nữ	22	120,428	
1351	10A4	Phạm Thu	Trang	14/12/2003	Nữ	33	102,947	
1352	10A2	Đỗ Thị Thu	Trang	13/02/2003	Nữ	33	102,951	
1353	11A10	Lê Thị Thu	Trang	23/04/2002	Nữ	10	111,290	
1354	10A7	Lương Thị Thu	Trang	08/03/2003	Nữ	33	102,953	
1355	10A3	Lưu Thị Thu	Trang	17/11/2003	Nữ	33	102,955	
1356	12A1	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/05/2001	Nữ	22	120,429	
1357	12A11	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/09/2001	Nữ	22	120,430	
1358	11A10	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/11/2002	Nữ	10	111,292	
1359	11A3	Nguyễn Thị Thu	Trang	16/11/2002	Nữ	11	111,294	
1360	11A7	Trần Thu	Trang	30/07/2002	Nữ	34	111,894	
1361	10A12	Trần Thu	Trang	22/12/2003	Nữ	33	102,949	
1362	12A6	Dư Thuỳ	Trang	13/12/2001	Nữ	22	120,431	
1363	12A8	Nguyễn Thuỳ	Trang	14/11/2001	Nữ	22	120,432	
1364	10A11	Hà Thùy	Trang	11/08/2003	Nữ	33	102,957	
1365	12A9	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	08/04/2001	Nữ	22	120,433	
1366	12A2	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/12/2001	Nam	22	120,434	
1367	11A1	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/05/2002	Nữ	11	111,296	
1368	11A3	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/10/2002	Nữ	11	111,298	
1369	10A12	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/09/2003	Nữ	34	102,959	
1370	10A2	Phạm Hương	Trà	09/11/2003	Nữ	33	102,931	
1371	12A11	Lê Thị Kim	Trà	18/04/2001	Nữ	21	120,410	
1372	11A6	Đỗ Thị	Trà	03/02/2002	Nữ	33	111,872	
1373	11A8	Nguyễn Tiến	Trà	19/06/2002	Nam	33	111,874	
1374	10A7	Nguyễn Nhật Bảo	Trâm	09/07/2003	Nữ	34	102,961	
1375	10A6	Lê Thị Ngọc	Trâm	13/01/2003	Nữ	34	102,963	
1376	12A3	Lê Thị	Trâm	26/03/2001	Nữ	22	120,435	
1377	12A1	Lê Thị	Trâm	08/12/2001	Nữ	22	120,436	
1378	12A7	Nguyễn Đình	Triển	26/09/2001	Nam	22	120,437	
1379	12A2	Mai Phương	Trinh	15/06/2001	Nữ	22	120,438	
1380	10A10	Nguyễn Thị	Trinh	27/09/2003	Nữ	11	102,239	
1381	12A9	Nguyễn Thị Thuỳ	Trinh	10/06/2001	Nữ	22	120,439	
1382	10A6	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	17/04/2003	Nữ	34	102,965	
1383	12A1	Hoàng Việt	Trinh	07/05/2001	Nữ	22	120,440	
1384	11A1	Vũ Hải	Triều	16/11/2002	Nam	11	111,300	
1385	12A4	Lê Minh	Trí	18/01/2001	Nam	23	120,449	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1386	11A8	Nguyễn Minh	Trí	14/09/2001	Nam	34	111,914	
1387	10A4	Nguyễn Minh	Trí	11/04/2003	Nam	34	102,987	
1388	10A10	Phạm Đình	Trịnh	13/05/2002	Nam	11	102,241	
1389	12A1	Nguyễn Đức	Trọng	24/08/2001	Nam	23	120,441	
1390	11A4	Nguyễn Đức	Trọng	15/03/2002	Nam	34	111,896	
1391	10A4	Nguyễn Đức	Trọng	24/05/2003	Nam	34	102,967	
1392	10A3	Nguyễn Đăng	Trung	17/12/2003	Nam	34	102,969	
1393	10A5	Nguyễn Đức	Trung	19/08/2003	Nam	34	102,971	
1394	11A6	Nguyễn Gia	Trung	14/12/2001	Nam	34	111,898	
1395	10A2	Đỗ Nguyễn	Trung	13/08/2003	Nam	34	102,973	
1396	10A3	Mai Quốc	Trung	13/10/2003	Nam	34	102,975	
1397	11A3	Nguyễn Năng Thành	Trung	13/11/2002	Nam	11	111,302	
1398	10A2	Nguyễn Thành	Trung	26/12/2003	Nam	34	102,977	
1399	11A3	Nguyễn Văn	Trung	19/02/2002	Nam	11	111,304	
1400	11A5	Vũ Anh	Trường	25/03/2002	Nam	34	111,900	
1401	12A7	Lê Duy	Trường	20/01/2001	Nam	23	120,443	
1402	11A2	Dương Đức	Trường	17/11/2002	Nam	34	111,902	
1403	11A5	Nguyễn Đức	Trường	09/09/2002	Nam	34	111,904	
1404	10A7	Nguyễn Đức	Trường	08/04/2003	Nam	34	102,979	
1405	11A8	Nguyễn Huy	Trường	21/01/2001	Nam	34	111,906	
1406	11A7	Lê Mạnh	Trường	05/11/2002	Nam	34	111,908	
1407	10A6	Lê Quang	Trường	03/11/2003	Nam	34	102,981	
1408	10A4	Tạ Quang	Trường	23/10/2003	Nam	34	102,983	
1409	12A11	Nguyễn Quý	Trường	18/08/2000	Nam	23	120,444	
1410	12A10	Đỗ Văn	Trường	21/11/2001	Nam	23	120,445	
1411	11A6	Hoàng Văn	Trường	20/04/2002	Nam	34	111,910	
1412	12A7	Lê Văn	Trường	06/10/2001	Nam	23	120,446	
1413	12A9	Nguyễn Văn	Trường	18/02/2001	Nam	23	120,447	
1414	12A4	Nguyễn Văn	Trường	31/08/2001	Nam	23	120,448	
1415	11A7	Mai Xuân	Trường	10/06/2002	Nam	34	111,912	
1416	10A7	Nguyễn Xuân	Trường	25/07/2003	Nam	34	102,985	
1417	12A4	Lê Trọng	Trước	11/09/2001	Nam	23	120,442	
1418	12A7	Trịnh Văn	Tuân	28/01/2001	Nam	23	120,453	
1419	11A4	Nguyễn Xuân	Tuân	21/04/2002	Nam	35	111,926	
1420	10A7	Lê Anh	Tuân	29/07/2003	Nam	35	103,001	
1421	10A9	Nguyễn Anh	Tuân	28/06/2003	Nam	11	102,243	
1422	10A7	Nguyễn Anh	Tuân	15/07/2003	Nam	35	103,003	
1423	11A8	Quách Anh	Tuân	30/05/2002	Nam	35	111,928	
1424	10A5	Nguyễn Huy	Tuân	01/04/2003	Nam	35	103,005	
1425	11A8	Đào Quang	Tuân	03/12/2002	Nam	35	111,930	
1426	10A6	Lê Quốc	Tuân	28/07/2003	Nam	35	103,007	
1427	10A6	Phạm Thanh	Tuân	10/11/2003	Nam	35	103,009	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1428	12A11	Hoàng Văn	Tuấn	01/01/2001	Nam	23	120,454	
1429	10A5	Nguyễn Văn	Tuấn	07/01/2003	Nam	35	103,011	
1430	12A7	Trần Văn	Tuấn	21/02/2001	Nam	23	120,455	
1431	12A3	Phùng Xuân	Tuấn	18/03/2001	Nam	23	120,456	
1432	11A7	Nguyễn Trọng	Tuệ	26/07/2002	Nam	35	111,932	
1433	12A11	Nguyễn Văn	Tuệ	11/09/2001	Nam	23	120,457	
1434	10A11	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/02/2003	Nữ	35	103,017	
1435	10A9	Phạm Thị	Tuyền	23/08/2003	Nữ	11	102,245	
1436	12A8	Trương Thị Ánh	Tuyết	14/02/2001	Nữ	23	120,460	
1437	11A4	Vũ Thị Ánh	Tuyết	14/02/2002	Nữ	35	111,934	
1438	12A12	Vũ Thị	Tuyết	02/09/2001	Nữ	24	120,461	
1439	12A1	Nguyễn Hữu	Tùng	06/01/2001	Nam	23	120,458	
1440	10A4	Lê Khánh	Tùng	29/09/2003	Nam	35	103,013	
1441	12A4	Hoàng Minh	Tùng	19/12/2001	Nam	23	120,459	
1442	10A2	Phạm Thanh	Tùng	31/08/2003	Nam	35	103,015	
1443	11A4	Nguyễn Đức Anh	Tú	10/07/2002	Nam	35	111,916	
1444	10A6	Nguyễn Đình	Tú	16/02/2003	Nam	34	102,989	
1445	10A7	Nguyễn Đình	Tú	11/08/2003	Nam	35	102,991	
1446	11A5	Quách Đức	Tú	23/11/2002	Nam	35	111,918	
1447	12A9	Nguyễn Hữu	Tú	16/02/2001	Nam	23	120,450	
1448	10A7	Nguyễn Hữu	Tú	25/09/2003	Nam	35	102,993	
1449	10A5	Lê Mạnh	Tú	01/11/2003	Nam	35	102,995	
1450	10A6	Vũ Ngọc	Tú	29/01/2003	Nam	35	102,997	
1451	11A12	Nguyễn Như	Tú	10/02/2002	Nam	35	111,920	
1452	11A12	Phạm Thị Phương	Tú	07/08/2002	Nữ	35	111,922	
1453	11A10	Nguyễn Thị	Tú	21/11/2002	Nữ	11	111,306	
1454	10A6	Mai Văn	Tú	02/01/2003	Nam	35	102,999	
1455	12A7	Nguyễn Văn	Tú	18/09/2001	Nam	23	120,451	
1456	11A8	Nguyễn Văn	Tú	04/04/2002	Nam	35	111,924	
1457	12A1	Trần Văn	Tú	28/10/2001	Nam	23	120,452	
1458	12A3	Đào Thị	Uyên	08/10/2001	Nữ	24	120,462	
1459	11A6	Đào Thị	Uyên	28/06/2002	Nữ	35	111,936	
1460	10A12	Đỗ Thị	Uyên	27/06/2003	Nữ	35	103,019	
1461	12A8	Nguyễn Thị	Uyên	17/09/2001	Nữ	24	120,463	
1462	11A10	Phạm Thị	Uyên	28/03/2002	Nữ	11	111,308	
1463	11A9	Nguyễn Tú	Uyên	30/08/2002	Nữ	11	111,310	
1464	10A8	Lê Văn	Ước	21/08/2003	Nam	35	103,021	
1465	10A5	Nguyễn Duy	Văn	19/09/2003	Nam	35	103,023	
1466	10A11	Lê Huy	Văn	15/10/2003	Nam	36	103,025	
1467	11A9	Vương Thị Cẩm	Vân	18/03/2002	Nữ	11	111,312	
1468	10A7	Nguyễn Thanh	Vân	21/01/2003	Nữ	36	103,027	
1469	12A9	Lê Thị Thảo	Vân	01/01/2001	Nữ	24	120,464	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1470	12A9	Nguyễn Thị Thảo Vân	06/02/2001	Nữ	24	120,465	
1471	12A4	Đoàn Thị Vân	08/04/2001	Nữ	24	120,466	
1472	11A11	Vũ Thị Vân	01/11/2002	Nữ	35	111,938	
1473	12A2	Mai Thu Vân	14/10/2001	Nữ	24	120,467	
1474	12A7	Trần Thị Thu Vân	14/04/2001	Nữ	24	120,468	
1475	12A1	Đào Thị Diệu Vi	01/11/2001	Nữ	24	120,469	
1476	10A10	Nguyễn Thị Tường Vi	31/01/2003	Nữ	11	102,247	
1477	11A9	Nguyễn Bá Việt	21/11/2002	Nam	11	111,314	
1478	10A3	Phạm Bá Việt	30/06/2003	Nam	36	103,029	
1479	11A8	Nguyễn Đức Việt	22/03/2002	Nam	36	111,940	
1480	12A7	Phạm Đức Việt	20/03/2001	Nam	24	120,470	
1481	10A12	Nguyễn Hoàng Việt	22/10/2003	Nam	36	103,031	
1482	10A1	Nguyễn Huy Việt	24/02/2003	Nam	11	102,249	
1483	12A5	Nguyễn Quốc Việt	24/09/2001	Nam	24	120,471	
1484	11A4	Nguyễn Quốc Việt	08/10/2002	Nam	36	111,942	
1485	11A3	Nguyễn Quốc Việt	13/12/2002	Nam	11	111,316	
1486	10A6	Nguyễn Quốc Việt	21/07/2003	Nam	36	103,033	
1487	11A8	Nguyễn Tiến Việt	26/08/2002	Nam	36	111,944	
1488	12A1	Lê Trung Việt	14/10/2001	Nam	24	120,472	
1489	10A2	Mai Tuấn Việt	08/11/2003	Nam	36	103,035	
1490	10A6	Nguyễn Tuấn Việt	27/10/2003	Nam	36	103,037	
1491	12A6	Lê Văn Việt	30/07/2001	Nam	24	120,473	
1492	12A11	Lê Văn Việt	25/10/2001	Nam	24	120,474	
1493	11A6	Lê Văn Việt	22/09/2002	Nam	36	111,946	
1494	11A2	Nguyễn Văn Việt	12/11/2002	Nam	36	111,948	
1495	10A8	Nguyễn Văn Việt	22/08/2003	Nam	36	103,039	
1496	12A5	Phạm Văn Việt	13/04/2001	Nam	24	120,475	
1497	12A6	Phạm Văn Việt	24/11/2001	Nam	24	120,476	
1498	12A3	Lê Thành Vinh	05/06/2001	Nam	24	120,477	
1499	12A5	Nguyễn Văn Vinh	11/03/2001	Nam	24	120,478	
1500	10A5	Phạm Văn Vinh	09/10/2003	Nam	36	103,041	
1501	11A5	Đào Diệu Vũ	22/08/2002	Nam	36	111,950	
1502	11A5	Phạm Đức Vũ	05/12/2002	Nam	36	111,952	
1503	10A9	Lê Hoàng Vũ	05/07/2003	Nam	11	102,251	
1504	10A8	Trịnh Long Vũ	23/01/2003	Nam	36	103,043	
1505	11A3	Đỗ Nguyên Vũ	31/01/2002	Nam	11	111,318	
1506	12A6	Lê Quang Vũ	01/06/2001	Nam	24	120,479	
1507	10A1	Lê Tiên Vũ	02/10/2003	Nam	11	102,253	
1508	10A7	Lê Văn Vũ	07/09/2003	Nam	36	103,045	
1509	12A5	Phạm Văn Vũ	03/10/2001	Nam	24	120,480	
1510	11A3	Nguyễn Xuân Vũ	13/02/2002	Nam	11	111,320	
1511	11A6	Nguyễn Thị Thảo Vy	31/03/2002	Nữ	36	111,954	

STT	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Phòng thi	SBD	Ghi chú
1512	11A6	Nguyễn Xuân	Xoan	26/10/2002	Nữ	36	111,956	
1513	11A11	Lê Thị	Xuân	09/11/2002	Nữ	36	111,958	
1514	12A12	Lưu Kim	Xuyến	04/01/2001	Nữ	25	120,481	
1515	12A10	Lê Thị	Xuyến	05/08/2001	Nữ	25	120,482	
1516	10A12	Đoàn Hải	Yến	06/10/2003	Nữ	36	103,047	
1517	11A1	Phạm Hải	Yến	15/09/2002	Nữ	11	111,322	
1518	10A3	Phạm Hải	Yến	05/12/2003	Nữ	36	103,049	
1519	12A6	Lê Thị Hải	Yến	11/03/2001	Nữ	25	120,484	
1520	11A10	Lê Thị Hải	Yến	04/09/2002	Nữ	11	111,324	
1521	11A11	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/01/2002	Nữ	36	111,960	
1522	10A5	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/01/2003	Nữ	36	103,051	
1523	10A12	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/10/2003	Nữ	36	103,053	
1524	12A10	Trần Thị Hải	Yến	18/08/2001	Nữ	25	120,485	
1525	10A12	Trần Thị Hoàng	Yến	13/07/2003	Nữ	36	103,055	
1526	10A2	Nguyễn Thị Hồng	Yến	09/06/2003	Nữ	36	103,057	
1527	12A6	Nguyễn Kim	Yến	19/08/2001	Nam	25	120,486	
1528	11A12	Nguyễn Thị Kim	Yến	26/11/2002	Nữ	36	111,962	